

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

**ĐÓNG GÓP CỦA NINH BÌNH TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MÔNG – NGUYỄN THẾ KỶ XIII**

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THU HIỀN

Lớp: D15LS - ĐL

Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ'
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

**ĐÓNG GÓP CỦA NINH BÌNH TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MÔNG – NGUYỄN THỂ KỶ XIII**

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THU HIỀN

Các thành viên: NGUYỄN THỊ THU HUẾ

Lớp: D15LS - ĐL

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH VĂN VIỄN

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

Đinh Văn Viễn

Phạm Thị Thu Hiền

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU..... 1

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu..... 1

2. Tính cấp thiết của đề tài 4

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... 5

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 6

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 6

NỘI DUNG..... 7

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG

MÔNG – NGUYÊN VÀ VÙNG ĐẤT NINH BÌNH THỜI TRẦN..... 7

1.1. Khái quát về nhà Trần và cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỷ XIII 7

1.1.1. Khái quát về nhà Trần 7

1.1.2. Ba lần kháng chiến chống Mông – Nguyên..... 11

1.2. Khái quát về Ninh Bình thời Trần..... 14

1.2.1. Khái quát về tỉnh Ninh Bình 14

1.2.2. Ninh Bình thời Trần (1226 - 1440) 21

Tiểu kết chương 1 28

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA VÙNG ĐẤT NINH BÌNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYÊN THẾ KỶ XIII29

2.1. Các cơ sở hậu cứ, kháng chiến ở Ninh Bình trong kháng chiến chống Mông – Nguyên..... 29

2.1.1. Hành cung Vũ Lâm 28

2.1.2. Các cơ sở khác 33

2.2. Đóng góp của một số nhân vật ở Ninh Bình trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên 41

2.2.1. Đào Dương Bật 41

2.2.2. Trương Hán Siêu..... 43

2.2.3. Trần Ngọc Một..... 47

2.2.4. Ngự Câu Vương 49

2.2.5. Huyền Tư..... 50

2.3. Khái quát chung và đánh giá về vùng đất, và con người Ninh Bình.....51

2.4. Phát huy giá trị các di tích ở Ninh Bình liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên.....	54
Tiểu kết chương 2.....	54
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	58
TÀI LIỆU THAM KHẢO	57
PHỤ LỤC	

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài NCKH “Đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỷ XIII”, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới những cá nhân và tập thể đã giúp đỡ, định hướng và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành nghiên cứu này.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn thầy/cô giáo hướng dẫn – người đã tận tình chỉ bảo, định hướng khoa học, giúp em hoàn thiện nội dung và phương pháp nghiên cứu. Những góp ý quý báu của thầy/cô là nền tảng giúp em hiểu sâu hơn về lịch sử dân tộc và vai trò to lớn của nhân dân Ninh Bình trong công cuộc giữ nước thời Trần.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới Ban giám hiệu, tổ bộ môn Lịch sử cùng các thư viện, bảo tàng và trung tâm lưu trữ tỉnh Ninh Bình đã cung cấp tư liệu, tài liệu lịch sử quý giá phục vụ cho quá trình tìm hiểu và hoàn thiện đề tài.

Bên cạnh đó, em xin cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, hỗ trợ và khích lệ tinh thần trong suốt thời gian nghiên cứu và hoàn thiện bài viết.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do kiến thức và thời gian có hạn, đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và bạn đọc để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

	Chữ viết tắt	Nội dung
1	Cb	Chủ biên
2	DSVH	Di sản văn hóa
3	DTLS	Di tích lịch sử
4	Nxb	Nhà xuất bản
5	LSVH	Lịch sử văn hóa
6	QLDT LSVH	Quản lý di tích lịch sử văn hóa
7	QL DSVH	Quản lý di sản văn hóa
8	SV	Sinh viên
9	THPT	Trung học phổ thông
10	UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Có rất nhiều học giả đã quan tâm và có các công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

Thứ nhất, các nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII trên cả nước:

Công trình “*Trần Thủ Độ - Danh nhân truyền kỳ*”, Nxb Thanh Bình 1952 tác giả Ngô Văn Triện đã viết về Thái sư Trần Thủ Độ là một quyền thần có ảnh hưởng lớn của triều đại nhà Trần, có vai trò lớn trong việc họ Trần đoạt ngôi nhà Lý. Ông là người thực tế nắm quyền của triều đại này trong khoảng thời gian từ 1226 đến khi ông qua đời vào 1264 khoảng 38 năm.

Cuốn sách “*Trần Thủ Độ - Danh Nhân truyền kì*” của tác giả Trúc - Khê, Ngô Văn - Triện, Nxb Thanh Bình, năm 1952. Sách viết về Trần Thủ Độ là thái sư đầu triều nhà Trần, người có công sáng lập và là người thực tế nắm quyền lãnh đạo đất nước những năm đầu triều Trần, khoảng gần 40 năm, từ 1226 đến 1264.

Trong cuốn “*Việt Nam ba lần đánh Nguyên toàn thắng*” của tác giả Nguyễn Lương Bích, Nxb QĐND, năm 1981 cuốn sách này nhấn mạnh vào việc nước Việt Nam ta trong cả ba trận đánh quân Nguyên là một kỳ tích tuyệt vời, đất nước đã đánh thắng những đội quân sang xâm lược nước ta, và cả ba lần chúng đều thất bại. Việc nước ta đánh thắng quân Nguyên đã gây ra một tiếng vang ra toàn Châu Á, sang tận Ba Tư...Việt Nam ba lần đánh quân Nguyên toàn thắng là những trang sử vô cùng vẻ vang của dân tộc ta, điều đó đã chứng minh được sức mạnh của và tinh thần đoàn kết của dân tộc ta.

Cuốn sách “*Cuộc kháng chiến Chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*” của tác giả Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, Nxb Hồng Đức, tái bản năm 2019, tập trung vào cuộc chiến tranh chống xâm lược của đất nước Việt Nam thế kỷ XIII. Phong kiến Việt Nam tại thời điểm đó là một chính quyền tập trung mạnh mẽ và đảm bảo đời sống ổn định cho nhân dân. Tuy nhiên, khi đối mặt với cuộc xâm lược của Đế quốc Mông Cổ, toàn dân đã đoàn kết để kháng chiến cứu nước.

Cuốn sách tập trung vào ba trận đánh tiêu biểu và phân tích nguyên nhân của cuộc chiến tranh này. Cuộc chiến được coi là một cuộc chiến tranh chính nghĩa và tự vệ, mang một phương châm là “đánh lâu dài”. Dù gặp nhiều tổn thất, nhưng tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam không bao giờ lùi bước trước quân thù. Và trong cuộc kháng chiến thần thánh hơn bảy trăm năm trước đó, dân tộc Việt Nam đã quật ngã bọn xâm lược Mông Cổ, đóng góp vào truyền thống anh dũng của đất nước và tinh thần chiến đấu bất khuất của người dân Việt Nam.

Cuốn sách “*Vương triều Trần*” của Vũ Văn Quân chủ biên xuất bản năm 2019, tồn tại trong lịch sử 175 năm, từ năm 1226 đến 1400, trải qua 13 đời vua với thời gian hưng thịnh xấp xỉ một thế kỷ rưỡi, vương triều Trần có công rất lớn trong công cuộc phục hưng dân tộc một cách toàn diện trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, củng cố thống nhất quốc gia và thúc đẩy sự phát triển của nền văn minh, đưa đất nước Đại Việt phát triển mạnh mẽ và đạt nhiều thành tựu to lớn.

Đề tài cấp trường, tại Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh “*Nhà Trần và cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên*” của Ngô Sỹ Tráng và một số thành viên khác. Đề tài này tập trung về tình hình nước ta cuối nhà Trần cũng như nguồn gốc của quân đội Mông cổ, một quân đội đã một thời khiến cả thế giới phải khiếp sợ mỗi khi nhắc đến tên, ngoài ra tác phẩm này còn nhấn mạnh vào bối cảnh, nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của cả ba lần chống quân Mông - Nguyên của nước ta.

Mục III chương VII: Đại Việt ở thế kỷ XIII đầu XV thời Trần Hồ của cuốn “*Đại cương lịch sử Việt Nam*” thuộc Nxb Giáo Dục đã nêu rõ sự hình thành và phát triển của đế chế Mông cổ cũng như diễn biến của cuộc kháng chiến chống Mông Cổ trong cả 3 lần kháng chiến từ 1258 đến 1288.

Thứ hai, các nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỉ XIII ở Ninh Bình.

“*Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*” do Trương Đình Tường chủ biên, được Nxb Thế Giới năm 2004, trong phần Phụ lục đưa ra bảng thống kê danh sách về di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia đến hết năm 1999.

Trong cuốn “*Địa chí Ninh Bình*” của Tỉnh ủy Ninh Bình và Viện khoa học xã hội, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2010, trong đó có viết về di tích và danh thắng đã thống kê những di tích được xếp hạng các cấp ở Ninh Bình, trong đó có nhắc đến một số di tích liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

Đinh Văn Viễn, Lê Thị Huệ, Lương Duy Quyền (2012), “*Lịch sử địa phương*” (Dùng cho sinh viên ngành Việt Nam học, trình độ đại học), Giáo trình nội bộ trường Đại Học Hoa Lư, Ninh Bình. Cuốn sách đã khái quát tỉnh Ninh Bình và những triều đại lịch sử của vùng đất và con người Ninh Bình.

“*Hành Cung Vũ Lâm và di tích - danh thắng*” do Nxb Thông tin và Truyền thông ấn hành quý II/ 2018, ghi lại dấu ấn nhà Trần đứng chân trên đất Hoa Lư 41 năm (1258 -1299). Đây là cuốn sách thứ 32 của nhà giáo Lã Đăng Bật viết trong dịp kỷ niệm 760 năm vua Trần Thái Tông lập nên Hành cung Vũ Lâm (1258 - 2018). Theo chúng tôi biết, cho đến nay chưa có nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nào đề cập một cách có hệ thống và giàu tính thuyết phục về vị trí, vai trò, ý nghĩa của Hành cung Vũ Lâm như tác phẩm này.

“*Trương Hán Siêu - Danh sĩ thời Trần*” của tác giả Đặng Công Nga là một trong những cuốn sách viết về Trương Hán Siêu vị anh hùng của mảnh đất Cố Đô và những công lao của ông trong thời Trần.

“*Trương Hán Siêu - cuộc đời, sự nghiệp, văn thơ*” của tác giả Lã Đăng Bật, Nxb Ninh Bình 2000 là cuốn sách nói về nhân vật Trương Hán Siêu con người vùng đất Hoa Lư đã có công lao trong kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần.

Tóm lại, tất cả các công trình nghiên cứu kể trên đã đưa ra cơ sở lí luận chung vai trò của nhân dân Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII và các đình, đền chùa thờ các nhân vật quan trọng của nhân dân ở Ninh Bình đứng lên kháng chiến. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu mới đi vào khái quát chung nhất về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên và chưa có công trình nghiên cứu nào nhận xét và đầy đủ về vai trò của nhân dân Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước hình chữ S nhỏ bé của chúng ta đã trải qua hơn 4000 năm giữ nước và dựng nước đầy gian truân, nó không những để lại cho nền văn học mà còn để lại cho nền sử học nước nhà những giá trị vô cùng to lớn. Trở về với thế kỷ XIII khi đất nước đang trong tình thế khủng hoảng bị quân Mông Cổ xâm lược thì tất cả nhân dân cả nước đã cùng nhau đứng lên chống lại giành lấy quyền độc lập cho nước nhà. Trong tất cả những lần nổi dậy nhân dân đều là một trong những yếu tố nòng cốt dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến, nhân dân ta đã góp phần không hề nhỏ trên tất cả các phương diện mang đến độc lập dân tộc và đánh đuổi ngoại xâm, xây dựng một đất nước hùng mạnh.

Trong quá trình hình thành và phát triển vùng đất Ninh Bình có gắn với rất nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử, những dấu tích của các thời kỳ lịch sử luôn tồn tại như một minh chứng để giáo dục chúng ta về truyền thống dân tộc. Bên cạnh đó, Ninh Bình còn được coi là vùng đất “địa linh nhân kiệt” với địa hình hoang sơ hiểm trở, ải đất này đã được các nhà chiến lược quân sự từ thời phong kiến coi “là cổ họng giữa Bắc, Nam”. Vì thế Ninh Bình cũng đã chứng kiến và trực tiếp có rất nhiều đóng góp trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII Ninh Bình cũng đã tích cực tham gia và để lại rất nhiều giá trị về lịch sử cho những tầng lớp sau này. Một số nhân vật tiêu biểu đã tham gia vào cuộc kháng chiến này như Trương Hán Siêu, công chúa Trần Thị Ngọc Một,...hay những di tích tại Ninh Bình gắn liền với kháng chiến chống quân Mông - Nguyên là Hành cung Vũ Lâm, chùa Đông Trang, chùa Mía, chùa Non Nước...Qua đó, cũng có thể thấy rằng việc nghiên cứu các công trình và đóng góp về lịch sử tại Ninh Bình không những chỉ là tìm hiểu lịch sử mà còn thể hiện tinh thần học hỏi yêu mến đất nước và quá trình bảo vệ đất nước. Hiện nay, UBND tỉnh Ninh Bình xác định mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành Đô thị Di sản Thiên niên kỷ tiêu biểu và trở thành thành phố trực thuộc Trung Ương vào năm 2025 - 2035. Đây là mục tiêu phù hợp với tiềm năng của mảnh đất Ninh Bình và xu thế phát triển chung trên toàn thế giới. Do vậy, việc tìm hiểu các sự kiện lịch sử và những đóng góp của

nhân dân Ninh Bình có gắn với một số điểm di tích nói trên góp phần khẳng định giá trị của các di sản trong việc thực hiện một phần mục tiêu chung xây dựng Ninh Bình thành Thành phố Di sản niên kỷ tiêu biểu trong tương lai.

Là một sinh viên ngành lịch sử - địa lí đã và đang sinh sống trên mảnh đất Ninh Bình với lòng yêu mến và mong muốn đóng góp những phần nhỏ bé vào ngành mà mình đang theo học để góp sức khơi dậy niềm đam mê và yêu mến lịch sử đối với những thế hệ đi sau. Vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn đề tài “Đóng góp của Ninh Bình trong kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII” để nghiên cứu khoa học.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài làm sáng tỏ vai trò của Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII. Qua đó cũng thấy được sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc nói chung và Ninh Bình nói riêng trong công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đề tài khái quát về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên và đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong thời kì này.
- Đề xuất một số giải pháp phát huy các di tích liên quan kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII ở Ninh Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu trực tiếp của đề tài này là những đóng góp của quân và dân Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Giới hạn về không gian: vùng đất Ninh Bình thời Trần.
- Giới hạn về thời gian : giai đoạn vương triều Trần trị vì quốc gia Đại Việt (1226 - 1400).
- Nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu về:
Những nét chính trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII

Những đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong sự nghiệp kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII dưới thời nhà Trần.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận theo hướng lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử: Tìm hiểu và mô tả lại những sự kiện, nhân vật liên quan và mô phỏng lại bức tranh toàn diện về các di tích lịch sử có liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

Phương pháp logic: Được sử dụng để phân tích làm sáng rõ những đặc điểm nổi bật trong sự đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

Phương pháp điền dã: Thực tế tìm hiểu tại các di tích, đền, chùa thuộc địa bàn Ninh Bình nhằm thu thập thông tin ở các di tích lịch sử liên quan đến kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII.

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1
KHÁI QUÁT VỀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MÔNG -
NGUYỄN VÀ VÙNG ĐẤT NINH BÌNH THỜI TRẦN

1.1. Khái quát về nhà Trần và cuộc kháng chiến chống Mông -Nguyễn thế kỷ XIII

1.1.1. Khái quát về nhà Trần

Vào năm 1210, vua Cao Tông băng hà, thái tử Sảm (Lý Huệ Tông) lên ngôi. Triều chính hoàn toàn rơi vào tay họ Trần. Cuối năm 1225, con gái Thượng hoàng Huệ Tông là Lý Chiêu Hoàng đã bị ép nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Tuy nhiên, người đặt nền móng cho sự ra đời chính thức của nhà Trần lại chính là Trần Thủ Độ. Trong thời gian trị vì 175 năm, nhà Trần đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt ba lần kháng chiến chống Mông -Nguyễn thành công vào năm 1258, 1285 và 1288. Họ Trần trải qua 12 đời vua, nắm thiên hạ trong 175 năm.

Vua Lý Cao Tông là người ăn chơi hưởng lạc, bỏ bê chuyện triều chính, triều đình rối loạn quyền lực dần rơi vào tay các thế lực xấu. Cuối thế kỷ XII, triều Lý bước đầu rơi vào tình cảnh suy yếu, triều đình dần rơi vào cảnh loạn lạc. Thấy triều đình rơi vào tình cảnh đó, các thế lực mới từng bước nổi dậy, trong đó có nhà Trần.

Người được coi là tổ tiên của nhà Trần chính là Trần Lý. Ông sinh ra ở thôn Lưu Xá thuộc Hải Ấp (nay thuộc thôn Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), gia đình ông vốn làm nghề đánh cá, sau đó trở nên giàu có. Vào năm 1209, việc Quách Bộc nổi loạn ở Thăng Long đã khiến vua Lý Cao Tông chạy về Quy Hóa. Nhà Trần Lý đã triệu tập lực lượng, hỗ trợ triều đình. Trần Lý băng hà, Trần Tự Khánh lên ngôi là người nắm giữ binh quyền và trở thành người trụ cột cho dòng họ Lý.

Vào năm 1224, Lý Huệ Tông trở bệnh nặng mà ông lại không có con trai nối dõi, nên ông phải buộc nhường ngôi cho con gái là công chúa Lý Chiêu

Hoàng khi ấy mới có 7 tuổi, và bà cũng chính là nữ hoàng đế đầu tiên và duy nhất trong suốt tiến trình lịch sử. Mặc dù, trên danh nghĩa người đứng đầu là Lý Chiêu Hoàng, nhưng thực chất mọi quyền hành đều nằm trong tay của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng đã nhường ngôi cho Trần Cảnh và dẫn đến sự ra đời của dòng họ Trần, nhà Lý đã chính thức suy vong sau hơn 200 năm tồn tại. Sự ra đời của triều Trần đã đánh dấu một bước ngoặt to lớn trong lịch sử dân tộc. Nhà Trần đã khôi phục lại được sự ổn định về mặt chính trị và kinh tế nước ta, nhà Trần còn đưa nước ta đến thời kỳ thịnh vượng phát triển rực rỡ với chiến công ba lần chống quân Mông - Nguyên đều thắng lợi.

Sự thành lập

“Tháng 12 năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho Trần Cảnh. Ngày 12 tháng 12 năm Ất Dậu (10/1/1226), Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế, vương triều Trần chính thức được thành lập. Điều đó chính là hệ lụy tất yếu xét trong bối cảnh lịch sử giai đoạn này, đồng thời nó cũng là một kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài, kỹ lưỡng của nhà họ Trần” [1, p. 38].

Nhìn về quá khứ, nhà họ Trần vốn xuất thân bình dân, nhiều đời làm nghề đánh cá ở hạ lưu sông Hồng. Chính sự suy yếu của chính quyền trung ương, và những biến cố chính trị cuối đời nhà Lý khiến họ Trần chú tâm gây dựng lực lượng, dần dần từng bước tham gia chiến trường và dần trở thành một thế lực hùng mạnh ở địa phương. Bước ngoặt quan trọng là trong kinh thành xảy ra loạn Quách Bốc (1209), triều đình nhà Lý tan rã, Vua Lý Cao Tông trốn chạy lên vùng Quy Hóa nương nhờ Hà Vạn. Họ Trần ở Hải Ấp nắm lấy thời cơ, nhanh chóng lôi kéo hai hoàng tử Thâm và Sảm về quê mình rồi tôn Sảm lên làm Nguyễn Phi, củng cố vững chắc địa vị của dòng họ Trần. Trần Thừa và Trần Tự Khánh đã tiếp tục sự nghiệp và tăng cường sức mạnh của dòng họ Trần về mọi mặt, đồng thời tìm cách lấn át họ Lý và diệt trừ các thế lực đối lập.

Họ Trần tăng cường lực lượng ở cả hai mặt, vừa mở rộng lực khống chế, kiểm soát những vùng đông dân, rồi từng bước thu phục đánh bại các tập đoàn phong kiến địa phương khác, lại vừa tranh thủ tìm cách thu tóm quyền lực của nhà Lý. Lý Huệ Tông không có con trai, ông chuyển ngôi cho Lý Chiêu Hoàng

và Trần Thủ Độ đã bố trí cho Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh. Không lâu sau, Lý Chiêu Hoàng buộc phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh lên làm vua, lập ra triều Trần (1226-1400). Từ Trần Lý, đến Trần Tự Khánh, Trần Thừa, Trần Thủ Độ, mỗi người đều có vai trò và công lao khác nhau, đã từng bước dọn đường và chuẩn bị cho sự đăng quang của Thái Tông Trần Cảnh, cho sự trị vì của vương triều Trần.

Việc chuyển giao chính quyền từ dòng họ Lý sang họ Trần diễn ra trong triều đình và hoàng cung mà hầu như không gây xáo trộn, biến động xã hội. Điều đó chứng tỏ, dòng họ Trần đã rất khôn khéo, bản lĩnh từng bước vững chắc và cuối cùng nắm giữ chính quyền một cách nhanh gọn. Ngoài ra, để khẳng định quyền uy và củng cố vương Triều, nhà Trần sau khi thành lập đã thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết, tàn bạo để diệt trừ thế lực còn lại của nhà Lý. Nắm giữ trong tay mọi quyền hành, việc đầu tiên Trần Thủ Độ làm là truất bỏ ngôi thượng hoàng của Lý Huệ Tông, giáng làm thiên sư Huệ Quang và quản thúc ở chùa Chân Giáo trong Hoàng Thành. Nhà Trần đã khôn khéo kế thừa và phát huy những thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của triều đại cũ. Dưới triều Trần, đất nước Đại Việt tiếp tục phát triển trên mọi phương diện, trở thành một Quốc gia cường thịnh trong khu vực. Trong một thời kỳ, nước Đại Việt ta còn có tiếng là văn minh (lời Phan Huy Chú). Do vậy, việc nhà Trần thay thế nhà Lý là sự thay đổi có tính tất yếu, hợp với quy luật phát triển của lịch sử Việt Nam.

Thành tựu kinh tế, xã hội, văn hóa

Triều đình nhà Trần chủ trương dùng người tôn thích làm trụ cột triều đình. Việc định quan hàm các bậc đại thần được tiến hành. Quan đại thần có tam công, thái úy, tư đồ, tư mã, tư không đứng đầu hai ban văn, võ, đều do cách tôn thích nắm giữ. Những người làm quan trong triều, hoặc Thái sư, Thái phó, Thái Bảo, Thái úy hoặc Tư đồ, Tả hữu tướng quốc, đều được kim lĩnh hàm kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng Tam ty Bình chương sự. Chức Lưu Thủ giao cho Hoàng tử trong khi vua ra ngoài. Chức Tể tướng phải là người tôn thất, chọn trong những người tài giỏi, có đức và có học vấn. Chức Á Tướng thường là tham tri hay tri mật viện

sự, lấy Thị lang hoặc Giám nghị đại phu cho làm. Chức hành Khiển gần ngang với chức Á tướng. Chức thượng thư bắt đầu đặt từ thời Lý. Đến thời Trần đặt chức thượng thư thành hành khiển, thượng thư hữu bật. Chức Hàn Lâm Phụng chỉ là soạn từ chiếu thay vua. Chức này rất quan trọng, thường được những người nào là thái sư, mật viện mới được làm. Quan lại cứ 10 năm được tăng lên một hàm và 15 năm mới được lên một chức. Các quan văn võ trong ngoài và các quan ở cung điện lăng miếu được quy định cấp bậc bằng tiền và tùy theo mức độ cấp bậc. Vua Trần Thái tông ban hành quy định này vào năm 1236. Năm 1254 vua Trần Thái Tông ban hành quy định về xe kiệu, mũ áo và người hầu của các tôn thất và các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau.

Kinh tế nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao trong phát triển kinh tế dưới thời nhà Trần. Triều đình nhà Trần đã thực hiện nhiều chính sách khuyến khích sản xuất để mở rộng diện tích nông nghiệp. Nhờ có các chính sách cải cách và phát triển nền nông nghiệp nên vào thời điểm nông nghiệp đã có những dấu hiệu phục hồi và phát triển.

Diện tích đất nông nghiệp cũng được mở rộng: Ruộng công, ruộng tư, điền trang, thái ấp, ruộng của địa chủ ngày càng nhiều. Bởi vì công cuộc khai hoang được đẩy mạnh, trong lúc đó, ruộng đất cũng ngày càng tập trung vào tay các quý tộc, vương hầu, địa chủ. Triều đình quyết định chia ruộng công cho dân cày cấy và nộp thuế để làm ngân sách duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thủ công nghiệp, dưới thời nhà Trần chủ yếu được chú trọng vào các hoạt động quản lý, mở rộng và nâng cao tay nghề kỹ thuật. Thủ công nghiệp trong triều đình: Các xưởng thủ công nhà nước đạt được nhiều thành tựu đáng kể như đóng được thuyền lớn ra biển, chế tạo được thuốc súng. Thủ công nghiệp trong nhân dân phổ biến và phát triển đặc biệt là gốm sứ trắng men, dệt tơ lụa, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy. Bắt đầu xuất hiện và hình thành các làng nghề, phường nghề đạt đến trình độ kỹ thuật cao và thống nhất chặt chẽ về chất lượng như làng gốm Bát Tràng. Hoạt động thương nghiệp cả trong và ngoài nước đều được đẩy mạnh, các chợ lớn ra đời, buôn hàng chuyển bằng thuyền. Vào thời điểm đó, Thăng Long trở thành trung tâm kinh tế lớn của cả nước, thu hút thương gia

khắp nơi đổ về buôn bán. Vân Đồn trở thành thương cảng buôn bán với thương nhân nước ngoài chứng minh cho việc trao đổi, buôn bán Việt sử ký (1272). Nhà nước đặc biệt coi trọng đến yếu tố lịch sử. Cho nhiều ghi chép về sử sách, nổi bật trong số đó quân sự có tác phẩm “Bình Thư Yếu lược” của Trần Hưng Đạo. Về lĩnh vực thiên văn học đã ghi danh các tên tuổi các nhà thiên văn lớn như Đổng Lộ, Trần Nguyên Đán với nhiều thành tựu. Y học thời nhà Trần nổi tiếng với danh y Tuệ Tĩnh đã nghiên cứu các vị thuốc nam và tổng kết việc chữa bệnh bằng thuốc nam trong nhân dân. Về khoa học: Cuối thế kỷ XIV, Hồ Nguyên Trừng cùng thợ thủ công đã chế tạo thành công súng thần cơ và thuyền chiến.

1.1.2. Ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên

Đầu thế kỷ XIII, nhà nước Mông Cổ thành lập với một lực lượng quân đội mạnh và hiếu chiến, vua Mông Cổ liên tiếp mở rộng lãnh thổ, thống trị nhiều nước ở khu vực châu Á, châu Âu. Quân đội này đi đến đâu là xuất hiện nhà tan cửa nát, thành trì tan hoang, người dân thì bị bắt làm nô lệ, không thì bị giết. Năm 1253, Hốt Tất Liệt đánh chiếm vương quốc Đại Lý (nay là tỉnh Vân Nam), tiến đến biên giới Việt Nam. Quân Mông Cổ đòi đi qua Đại Việt để từ phía nam đánh Tống (1257) nhưng nhà Trần từ chối. Trước âm mưu xâm lược của Mông Cổ, quân dân nhà Trần đã tích cực chuẩn bị kháng chiến. Tháng 1/1258 ba vạn quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy tiến vào xâm lược nước ta, quân địch theo đường sông Thao tiến xuống Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ) rồi tiến về vùng bình lỵ Nguyên - Vĩnh Phúc thì bị chặn lại ở phòng tuyến do vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy, tại đây một trận chiến quyết liệt đã xảy ra. Do rơi vào tình thế bất lợi, vua Trần ra lệnh rút lui quân để bảo toàn lực lượng. Triều đình tạm rời kinh thành Thăng Long xuôi về vùng Thiên Mạc Duy Tiên Hà Nam. Nhân dân Thăng Long theo lệnh của triều đình nhanh chóng thực hiện chủ trương “vườn không nhà trống” để chiến đấu với quân địch, tạm rút khỏi kinh thành Thăng Long. Ngột Lương Hợp Thai kéo quân vào Thăng Long thấy trống vắng không một bóng người, quân Mông Cổ điên cuồng tàn phá kinh thành, truy tìm giết những người còn ở lại. Năm giữ kinh thành Thăng Long được một tháng, quân Mông Cổ lâm vào tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, phải cho

quân lính đi cướp thóc, hoa màu của người dân. Nhưng nhân dân đã đứng lên và chống trả quyết liệt, từ đó lực lượng của địch bị tiêu hao dần. Chớp được thời cơ, ngày 29 tháng 1 năm 1258, quân Đại Việt từ sông Thiên Mạc mở đợt phản công đánh địch tại bến Đông Bộ Đầu (bến sông Hồng cạnh kinh thành Thăng Long). Quân Mông Cổ bị đánh bật khỏi kinh thành Thăng Long. Chiếm được kinh thành, quân Mông Cổ gặp nhiều khó khăn vì không có lương thực nên rút chạy theo ngả sông Hồng về Vân Nam. Ngày 29/1/1258 quân Mông Cổ thua trận phải rời khỏi Thăng Long, trên đường rút lui, chúng bị quân đội nhà Trần truy kích đến Quy Hoá (Yên Bái - Lào Cai) lại bị quân của Hà Bổng chặn đánh, quân giặc sợ hãi tháo chạy về nước. Cuộc chiến diễn ra vồn vẹn chưa đầy một tháng và đã kết thúc thắng lợi.

Năm 1279, nước Nam Tống bị tiêu diệt, quân Mông Cổ hoàn toàn thống trị Trung Quốc. Vua Nguyên là Hốt Tất Liệt ráo riết thực hiện âm mưu xâm lược Chăm Pa và Đại Việt từ đó làm câu nôi xâm lược các nước ở phía Nam Trung Quốc. Đầu tiên Hốt Tất Liệt cho đánh Chăm Pa và Chiêm Thành trước, từ đó làm bàn đạp tấn công vào phía Nam Đại Việt, rồi phối hợp với các quân của Thoát Hoan đánh vào phía Bắc. Năm 1283 hơn một vạn quân Nguyên, cùng hơn 300 chiếc thuyền do tướng Toa Đô chỉ huy tiến vào xâm lược Chăm Pa, với sự chiến đấu quyết liệt của người dân Chăm Pa, quân Nguyên phải rút một bộ phận về miền Bắc cố thủ để chờ phối hợp đánh Đại Việt. Sau khi biết tin quân Nguyên đánh Chăm-pa, vua Trần triệu tập các vương hầu, quan lại họp ở Bình Than (Chí Linh, Hải Dương) để bàn kế đánh giặc. Trần Quốc Tuấn được vua giao cho chỉ huy cuộc kháng chiến. Ông soạn “Hịch tướng sĩ” để động viên tinh thần chiến đấu của quân và dân. “Đầu năm 1285, vua Trần mời các vị bô lão họp hội nghị Diên Hồng ở Thăng Long để bàn kế đánh giặc. Nhà nước tổ chức cuộc tập trận lớn ở Đông Bộ Đầu, rồi chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu, cả nước đợi lệnh chuẩn bị sẵn sàng đánh giặc. “Cuối tháng 1/1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan tổng chỉ huy tràn vào xâm lược Đại Việt” [1, p. 399], sau vài cuộc chiến chặn giặc ở biên giới. Trần Quốc Tuấn cho quân rút về Vạn Kiếp. Vua Trần lo lắng khi nghe tin Trần Quốc Tuấn không chặn được giặc phải

rút lui. Giặc tấn công Vạn Kiếp, quân đội nhà Trần rút về Thăng Long, thực hiện "vườn không nhà trống", rồi rút về Thiên Trường (Nam Định). Quân Nguyên chiếm được Thăng Long, nhưng chỉ dám đóng quân ở phía bắc sông Nhị (sông Hồng). Toa Đô từ Chăm - pa đánh ra Nghệ An, Thanh Hoá. Thoát Hoan mở cuộc tấn công xuống phía Nam, tạo thế "gọng kìm" với hi vọng tiêu diệt chủ lực quân Trần và bắt sống vua Trần. Thất bại trong âm mưu bắt sống Vua Trần và tiêu diệt quân chủ lực của ta, Thoát Hoan rút quân về Thăng Long chờ tiếp viện, quân Nguyên rơi vào tình thế bị động. Từ tháng 5 - 1285, quân đội nhà Trần bắt đầu phản công, nhiều trận đánh lớn đã diễn ra ở Tây Kết, Hàm Tử (Khoái Châu, Hưng Yên), Chương Dương (Thường Tín, Hà Nội), quân giặc thất bại, quân ta tiến vào Thăng Long. Quân Nguyên tháo chạy. Sau hơn hai tháng phản công, quân dân nhà Trần đã đánh tan hơn 50 vạn quân xâm lược Nguyên, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lần thứ hai” [1, p. 411].

Sau 2 lần xâm lược Đại Việt thất bại, quân Nguyên càng tức giận và quyết tâm đánh Đại Việt để trả thù. Ngô Tất Liệt đã đình chỉ cuộc xâm lược Nhật Bản để tập trung vào đánh Đại Việt. Trong đợt xâm lược lần 3 này, quân Nguyên đã huy động hơn 30 vạn quân và nhiều tướng tài do Thoát Hoan là tổng chỉ huy. Chúng còn mang hàng trăm chiếc chiến thuyền và một đoàn thuyền lương thực. Hốt Tất Liệt cũng căn dặn Thoát Hoan không được cho Giao Chỉ là một nước nhỏ mà chủ quan. Trước nguy cơ xâm lược lần 3, vua Trần khẩn trương chuẩn bị đánh giặc cuối tháng 12/1287 quân Nguyên kéo quân sang xâm lược nước ta lần 3. Cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy vượt biên giới đánh vào Lạng Sơn - Bắc Giang, sau nhiều trận đánh chặn ở các cửa ải vào vùng hiểm yếu, Trần Quốc Tuấn đưa ra chủ trương rút quân khỏi Vạn Kiếp. Cánh quân thủy gồm 600 chiến thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng, để hội quân với Thoát Hoan ở Vạn Kiếp. Đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hô chỉ huy đã bị Trần Khánh Dư bố trí phục kích tại Vân Đồn. Số lượng còn lại bị quân Trần chiếm. Tháng 1/1288, Thoát Hoan cho quân tiến vào Thăng Long nhưng bị chống trả rất kịch liệt. Quân giặc phần thì bị thiếu lương thực, phần thì bị ốm đau nên rơi vào cảnh khó khăn, thiếu thốn, buộc phải rút về nước. Nhân cơ hội

đó, quân dân nhà Trần đã đứng lên tiêu diệt các đạo quân của giặc, giành thắng lợi nhanh chóng.

1.2. Khái quát về Ninh Bình thời Trần

1.2.1. Khái quát về tỉnh Ninh Bình

Vị trí địa lý

“Tỉnh Ninh Bình nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc Bộ, có tọa độ địa lý 19⁰50’ đến 20⁰27’ vĩ độ Bắc, 105⁰32’ đến 106⁰ kinh độ Đông, cách thủ đô Hà Nội 93km về phía Nam. Phía Bắc giáp huyện Thanh Liêm của tỉnh Hà Nam; phía Đông và đông bắc giáp hai huyện Ý Yên và Nghĩa Hưng của tỉnh Nam Định; phía đông nam giáp Biển Đông; phía nam và tây nam giáp các huyện Thạch Thành, Hà Trung, Nga Sơn của tỉnh Thanh Hóa; phía tây và tây bắc giáp hai huyện Yên Thủy và Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình” [2, p. 13].

Ninh Bình có vị trí chiến lược quan trọng, là nơi tiếp nối giao lưu kinh tế và văn hóa giữa lưu vực sông Hồng với lưu vực sông Mã, giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ với vùng núi rừng Tây Bắc của Tổ quốc. Trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A, quốc lộ 10, 12A, 12B và đường sắt Bắc - Nam chạy qua cùng hệ thống sông ngòi dày đặc như: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Càn, sông Vạc, sông Vân,... tạo thành mạng lưới giao thông thủy, bộ rất thuận tiện cho giao lưu, phát triển kinh tế trong và ngoài tỉnh.

Điều kiện tự nhiên

Đặc điểm về địa hình:

Địa hình Ninh Bình phân chia thành ba vùng tương đối rõ nét, vùng đồi núi ở phía tây và tây bắc (huyện Nho Quan và một phần thị xã Tam Điệp); vùng đồng bằng (huyện Gia Viễn, huyện Hoa Lư,...); vùng ven biển phía Đông và phía Nam (nam huyện Yên Khánh, một phần phía Đông của huyện Yên Mô, huyện Kim Sơn). Hiện nay, vùng bãi bồi Kim Sơn hàng năm tiếp tục vươn ra biển Đông.

Khí hậu:

“Ninh Bình thuộc vùng tiểu khí hậu, mang những đặc điểm của khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam,

ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của khí hậu rừng núi và khí hậu vùng ven biển” [3]. “Khí hậu hàng năm chia thành 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình là $24,3^{\circ}\text{C}$ ” [4, p. 11]. “Tổng lượng mưa trung bình trong năm 2010 đạt 113,0 mm” [4, p. 13], phân bố tương đối đồng đều trên toàn tỉnh. Trung bình một năm có 125-157 ngày mưa. Lượng mưa tập trung chủ yếu vào mùa hè, từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 80-90% lượng mưa cả năm.

Thủy văn:

Hệ thống sông ngòi ở Ninh Bình bao gồm hệ thống sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Bôi, sông Ân, sông Vạc, sông Lạng, sông Vân Sàng... với tổng chiều dài 496km, phân bố rộng khắp trong toàn tỉnh. Mật độ sông suối bình quân 0.5km/km², các sông thường chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam để đổ ra biển Đông.

Chế độ thủy chiều ven biển Ninh Bình là chế độ nhật triều, ngoài ra còn trường hợp bán nhật triều và triều tạp. Thời gian triều lên trong khoảng 8 giờ, triều xuống 16 giờ. Khi triều cường thì thời gian lên xuống 1 giờ. Nhìn chung, thủy triều Ninh Bình tương đối yếu, biên độ thủy triều trong ngày khoảng 150 - 180cm, lớn nhất là 270cm, nhỏ nhất là 2-5cm.

Đất đai:

Ninh Bình có diện tích tự nhiên 139.033,8 ha, với chiều dài bờ biển 18km. “Toàn tỉnh có 96.305,2 ha đất nông nghiệp (69,2%) (trong đó đất sản xuất nông nghiệp: 60.963,9 ha chiếm 43,8% đất lâm nghiệp có rừng 29.336,0 ha, chiếm 21,1% đất nuôi trồng thủy sản: 5.771,3 ha chiếm 4,2%; đất làm muối:... đất nông nghiệp khác: 234,0 ha, chiếm 0,2%), đất phi nông nghiệp: 33.041,4 ha, chiếm 23,8% (trong đó: đất ở: 6.090,5 ha chiếm 4,4%; đất chuyên dụng: 19.697,0 ha chiếm 14,2%; đất tôn giáo tín ngưỡng: 245,9 ha chiếm 0,2%; đất nghĩa trang, nghĩa địa: 1.401,0 ha chiếm 1,0%; đất sông suối mặt nước chuyên dụng: 5.504,7 ha chiếm 3,9% đất phi nông nghiệp khác: 102,2 ha chiếm 0,1%) đất chưa sử dụng: 9.687,2 ha chiếm 7,0%” [4]. “Các loại đất phù sa được bồi và phù sa không được bồi tạo điều kiện cho nuôi trồng thủy sản và cây công nghiệp; đất phù sa cũ chua,

nghèo... thích hợp cho thâm canh lúa, hoa màu; đất feralit thích hợp phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu” [2, p. 16].

Sinh vật:

Ninh Bình có thảm thực vật rừng phong phú, tập trung ở vườn Quốc gia Cúc Phương. Rừng Cúc Phương thuộc loại rừng mưa nhiệt đới điển hình với cấu trúc thảm thực vật nhiều tầng và phong phú về thành phần loài (2.000 loài). Một số loài thực vật điển hình là: cây Chò xanh, cây Lê, cây Chân Chim... Động vật ở đây cũng rất phong phú. Hiện đã phát hiện 233 loài động vật có xương sống, nhiều loài chim và 24 bộ côn trùng trong số 30 bộ côn trùng thường gặp ở nước ta. Bên cạnh vườn quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long là khu bảo tồn sinh cảnh đặc trưng cho hệ sinh thái núi đá ngập nước. Đây là nơi khoanh vùng bảo vệ loài Voọc quần đùi trắng - một loài linh trưởng quý hiếm được ghi trong sách Đỏ thế giới.

Rừng núi Ninh Bình trong sơn hệ đá vôi hình cánh cung, chạy dài từ biên giới Việt -Trung theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ra tận biển Đông. Ninh Bình có khu rừng nguyên sinh Cúc Phương với những thảm thực vật và động vật quý hiếm. Ninh Bình có nhiều hang động kỳ thú, kết hợp với những công trình kiến trúc qua bao đời làm nên nhiều danh lam thắng cảnh, như “Nam Thiên đệ nhị động” (Bích Động), “Nam Thiên đệ tam động” (Địch Lộng), Thiên Tôn, Liên Hoa... Đặc biệt có vùng núi non, khe suối, thung lũng, đèo Ba Dội nổi tiếng. “Ninh Bình là cổ hạm Bắc Nam, cửa ải trọng yếu giữa khu III và khu IV của đất nước”.

Tài nguyên khoáng sản:

Ninh Bình có nhiều loại khoáng sản nhưng đáng kể nhất là đá vôi với diện tích 1,2 vạn ha, trữ lượng hàng chục tỷ mét khối và hàng chục triệu tấn đôlômit, chất lượng tốt. Đây là nguồn nguyên liệu lớn cho sản xuất vật liệu xây dựng. Ngoài ra, đất sét phân bố rải rác ở các vùng đồi núi thấp dùng để sản xuất gạch ngói và là nguyên liệu cho ngành đúc. Than bùn có trữ lượng 2 triệu tấn/năm dùng để sản xuất phân vi sinh. Nước suối Kênh Gà, Nước khoáng Cúc Phương cũng là những nguồn lợi lớn trong việc chữa bệnh và phát triển du lịch...

Những điều kiện tự nhiên trên đây có tác động không nhỏ đến tiến trình lịch sử của Ninh Bình. Thiên nhiên đã mang lại cho Ninh Bình một cảnh quan tương đối hoàn chỉnh: có rừng, có biển, đất đai phì nhiêu, núi non sông nước hữu tình... có thể phát triển được một nền kinh tế đa dạng. Đồng thời, thiên nhiên cũng đem lại cho Ninh Bình một thế hiểm yếu về quân sự. Đó là một địa bàn cơ động chiến lược tiến có thể đánh, lui có thể giữ, mang đầy dấu tích lịch sử chống giặc giữ nước của dân tộc.

Dân cư

Ngành khảo cổ học đã chứng minh Ninh Bình là một trong những nơi có người nguyên thủy xuất hiện cách ngày nay hàng vạn năm về trước. Những di chỉ tìm thấy ở Thung Lang nay thuộc phường Nam Sơn - Thị xã Tam Điệp và Động người xưa ở vườn Quốc Gia Cúc Phương - Huyện Nho Quan đã chứng minh điều đó.

Ninh Bình có hai dân tộc chính là dân tộc Kinh và dân tộc Mường. Theo tổng điều tra dân số “ngày 1 tháng 4 năm 1999, số người Kinh ở Ninh Bình chiếm 97,9%, người Mường chiếm 2,1%” [3, p. 18].

Hiện nay, có trên 2 vạn người Mường sống xen kẽ với người Kinh, tập trung chủ yếu ở các xã: Cúc Phương, Kỳ Phú, Quảng Lạc, Phú Long, Yên Quang, Xích Thổ, Thạch Bình và Văn Phương thuộc huyện Nho Quan.

Dân số Ninh Bình những năm 1927-1928 khoảng gần 30 vạn người. “Năm 1945, Ninh Bình có khoảng hơn 35 vạn người. Đến cuối năm 1995, số dân Ninh Bình lên tới 87 vạn người. Năm 2010, dân số Ninh Bình là 900.620 người, trong đó nam giới: 447.867 người (49,73%), nữ giới: 452.753 người (50,27%); dân cư nông thôn là 729.616 người (81,01%) [4, pp. 21-22]

Tôn giáo, tín ngưỡng

Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cư dân Ninh Bình khá đa dạng.

Đầu tiên là Phật giáo, Phật giáo được du nhập vào Ninh Bình khá sớm. Thời Đinh, Tiền Lê, Phật giáo phát triển mạnh, có ảnh hưởng lớn đến giai cấp thống trị, chi phối đời sống tinh thần của nhân dân. “Vào năm 2010, Phật giáo

Ninh Bình có 47.700 phật tử, chiếm khoảng 5,18% dân số, 249 tăng ni, 333 ngôi chùa, trong đó có 159 ngôi chùa có trụ trì” [5, p. 784].

Tiếp đó là Công giáo du nhập vào Ninh Bình từ năm 1627, do linh mục người Pháp truyền đạo tại cửa Thần Phù, thuộc xứ Hảo Nho, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô. Theo Địa chí Ninh Bình, vào năm 2010, tín đồ Công giáo toàn tỉnh có trên 150.700 giáo dân, chiếm 16,3% dân số, sống đan xen ở 100 xã phường, thị trấn. Riêng huyện Kim Sơn có 75 giáo xứ, 352 hộ đạo (trong đó xứ Khoan Dụ và 17 hộ đạo thuộc giáo phận Hòa Bình). Ninh Bình có 73 nhà thờ xứ, 207 nhà thờ họ, 4 cơ sở dòng tu, 1 trụ sở làm việc của tòa giám mục.

Trong đời sống tâm linh của người Ninh Bình tồn tại nhiều hình thức tín ngưỡng khác nhau. Ngày nay, cư dân Ninh Bình vẫn duy trì các hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thành hoàng, thần, thánh, người có công với làng với nước,...

Mỗi làng thường suy tôn một, hoặc vài vị có công dựng làng hay tổ sư của một làng nghề chuyên biệt của làng... làm thành hoàng làng. Một số làng còn có thêm những vị có công với nước được vua phong làm thành hoàng làng. Việc thờ thành hoàng làng và các nghi thức cúng tế liên quan đến thành hoàng nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của dân làng.

Ngoài ra, ở mỗi gia đình, dòng họ đều có từ đường, nhà thờ họ,...những cơ sở này cùng với những sinh hoạt tín ngưỡng ở đó phản ánh và đáp ứng nhu cầu tâm linh (thờ cúng tổ tiên, thờ thần linh...) của quảng đại quần chúng nhân dân.

Truyền thống lịch sử - văn hóa

Trải qua hàng nghìn năm nhân dân Ninh Bình đã vun đắp nên những truyền thống lịch sử - văn hóa quý báu. Có thể thấy Ninh Bình là vùng đất trung gian giữa văn minh sông Hồng và văn minh sông Mã, văn minh Đông Sơn và văn minh Đại Việt.

Nhân dân Ninh Bình đời này nối tiếp đời kia hun đúc nên những phẩm chất tính cách tốt đẹp, trở thành truyền thống cho ngàn đời con cháu noi theo. Lao động cần cù sáng tạo là truyền thống lâu đời của nhân dân Ninh Bình. Nhân dân Ninh Bình, với đức tính cần cù, chăm chỉ, chịu thương chịu khó, đoàn kết đùm

bọc nhau, dũng cảm quai đê, lấn biển mở mang bờ cõi, trong đấu tranh chống ngoại xâm.

Cùng với truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động, truyền thống văn hóa nhân dân Ninh Bình còn xây dựng cho mình truyền thống kiên cường bất khuất trong sự nghiệp đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, do có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự nên Ninh Bình luôn là một chiến trường, đồng thời vừa là hậu phương trực tiếp, gián tiếp của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng đất nước. Với lòng yêu nước nồng nàn, trong suốt chiều dài lịch sử nhân dân Ninh Bình đã luôn kiên cường, bất khuất chống chọi mọi kẻ thù xâm lược góp phần xứng đáng vào những chiến công lừng lẫy của dân tộc trong mọi thời kỳ lịch sử.

Tiêu biểu nhất là Đinh Bộ Lĩnh “đẹp loạn 12 sứ quân”, thống nhất đất nước, lập nên nước Đại Cồ Việt vào thế kỉ X, xây dựng Kinh đô ở Trường Yên (Hoa Lư). Thế kỉ XIII, nhà Trần đã lui quân về đất Ninh Bình, lập căn cứ địa ở Trường Yên để rồi từ đây phản công đánh thắng quân Mông - Nguyên. Thế kỉ XV, quân Minh xâm lược nước ta, Trần Ngỗi đã dựa vào vùng đất Yên Mô xây dựng căn cứ địa. Năm 1789, Quang Trung - Nguyễn Huệ đã tập kết quân tại Tam Điệp để làm cuộc tiến công “thần tốc” đại phá 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long, giành lại độc lập dân tộc. Đinh Huy Đạo ở Gia Phong (huyện Gia Viễn), Ninh Tôn ở Côi Trì (huyện Yên Mô) là những người có công phò vua, giúp nước. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, xuất hiện những nhà yêu nước như: Vũ Duy Thanh (Trạng Bồng) quê ở làng Vân Bồng (huyện Yên Khánh), Thiện Hộ Giản (huyện Yên Khánh). Các nhà hoạt động cách mạng tiền bối: Lương Văn Thăng, Lương Văn Tụy, Tạ Uyên. Những đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là rất to lớn.

Với truyền thống lịch sử - văn hóa, chống ngoại xâm hào hùng, Ninh Bình đã sản sinh ra những danh nhân, những bậc hiền tài làm rạng danh dân tộc, rạng danh quê hương, đất nước, góp phần quan trọng làm nên nền văn hiến Ninh Bình. Tiêu biểu như: Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Dương Vân Nga, Không

Lộ Thiên Sư... Nhiều bậc văn tài võ tướng: Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Vũ Duy Thanh, Vũ Phạm Khải...

Ninh Bình là nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa. Tính đến năm 2011, Ninh bình có 794 di tích, trong đó có 79 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia (đặc biệt di tích cố đô Hoa Lư được xếp hạng là di tích đặc biệt quan trọng cấp quốc gia), 169 di tích cấp tỉnh. Các di tích trải rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh, mang dấu ấn suốt từ thời nguyên thủy đến hiện đại. Sự đa dạng cả về số lượng và chủng loại của các di tích lịch sử - văn hóa như vậy đã thể hiện bề dày và sự phong phú của văn hóa Ninh Bình. Tiêu biểu là khu di tích cố đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỉ XVII, vừa có giá trị lịch sử, kiến trúc Phật giáo, vừa có giá trị văn hóa như đền thờ vua Đinh, đền thờ vua Lê, phủ Bà Chúa, lăng Vua Đinh, lăng Vua Lê, đền Vực Vọng, chùa Nhất Trụ, chùa động Am Tiêm, kinh đô Hoa Lư được xây dựng với niềm tự hào của cha ông mang tầm vóc lớn lao của Tổ quốc, bước vào giai đoạn độc lập tự chủ sau hàng ngàn năm đô hộ.

Ninh Bình cũng là nơi được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng cho nhiều danh lam thắng cảnh kỳ phú, nổi tiếng như Tràng An, Bích Động, Vân Long, vườn quốc gia Cúc Phương... Tất cả những danh lam thắng cảnh này hòa quyện cùng bản sắc văn hóa, tạo cho tỉnh Ninh Bình các thế mạnh để phát triển du lịch.

Trong văn hóa ẩm thực của Ninh Bình cũng có nhiều độc đáo. Đáng kể nhất là những đặc sản đặc trưng cho vùng đất này như: Cơm cháy Ninh Bình, Tái Dê Hoa Lư, Rượu Kim Sơn...

Ninh Bình có nhiều tập tục, lễ hội truyền thống mang đậm màu sắc một vùng non nước hữu tình. Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 74 lễ hội được tổ chức hàng năm, trong đó lễ hội Cố Đô Hoa Lư là lễ hội nhà nước cấp tỉnh; có một lễ hội cấp huyện là đền Thái Vi, còn lại là những lễ hội dân gian có qui mô cấp làng, xã như lễ hội đền Địch Lộng, lễ hội Báo Bản ở Nôn Khê, lễ hội đền Thánh Nguyễn ở hai xã Gia Tiến và Gia Thắng,... Các lễ hội ở Ninh Bình mang đậm yếu tố dân gian, đậm đà bản sắc văn hóa vùng châu thổ sông Hồng và khá sôi động. Trong lễ hội còn lưu giữ khá nhiều nghi lễ dân gian cổ.

Ninh Bình là vùng có nhiều nghề thủ công truyền thống đặc sắc. Qua kết quả khảo sát sơ bộ, “Ninh Bình hiện có khoảng 160 làng trong tổng số 1500 làng (thôn, bản...) còn lưu tồn và phát triển các nghề truyền thống, với trên 40 nghề”. Những nghề thủ công truyền thống tiêu biểu ở Ninh Bình như: Nghề đá mỹ nghệ (tập trung ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư); nghề thêu ren (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư); nghề dệt cói (ở huyện Kim Sơn); nghề mộc (tập trung nhiều ở phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình); nghề đan lát (ở Gia Viễn, Nho Quan)...

Những truyền thống lịch sử - văn hóa là tài sản quý báu luôn được các thế hệ nhân dân Ninh Bình giữ gìn, phát huy. Đặc biệt các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội, danh lam - thắng cảnh ... đã trở thành những nguồn tài nguyên vô giá cho ngành du lịch của Ninh Bình hiện nay.

1.2.2. Ninh Bình thời Trần (1226 -1400)

Sự thay đổi địa danh hành chính của Ninh Bình từ nguồn gốc đến thế kỷ XIII

Hiện nay (2025), tỉnh Ninh Bình có 129 đơn vị hành chính: 97 xã, 32 phường. Tuy nhiên, trước đây vùng đất thuộc tỉnh Ninh Bình đã trải qua rất nhiều lần tách nhập. Cụ thể như sau:

Miền đất Ninh Bình vào thời Văn Lang, Âu Lạc thuộc bộ Giao Chỉ. Vào thời Bắc thuộc, nước ta bị biến thành châu, quận. Cũng như các địa phương khác, vùng đất Ninh Bình là một vùng đất nằm trong các châu, quận dưới sự thống trị của phong kiến phương Bắc (thời thuộc Tần (255-207 TCN) thuộc Tượng quận. Thuộc thời Hán, một phần thuộc quận Cửu Chân, một phần thuộc quận Giao Chỉ. Thuộc thời Ngô và đời thuộc Tần thuộc Giao Châu. Thời thuộc Giao Châu. Thời thuộc Lương và châu Trường Yên cũng thuộc Giao Châu. Thời thuộc Đường là Trường Châu của An Nam đô hộ phủ).

Thời Đinh - Lê (968-1009), Ninh Bình là kinh đô của nước Đại Cồ Việt, là châu Đại Hoàng thuộc một trong 10 đạo của cả nước. Sang thời Lý, đất Ninh Bình buổi đầu là phủ Trường Yên (sử cũ ghi rằng năm 1010, vua Lý Thái Tổ đổi thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên, thành Hoa Lư tức kinh đô của nước Đại Cồ Việt (nằm trên khuôn viên xã Trường Yên, Hoa Lư bây giờ), phủ Trường Yên

tức thủ phủ, phủ ly của phủ Trường Yên, mà phủ trường Yên bao gồm toàn bộ vùng đất cổ của Ninh Bình). Về sau, Ninh Bình là châu Đại Hoàng (Toàn thư ghi rằng năm 1198, người Đại Hoàng nổi lên chống lại triều đình). Địa danh gốc của châu Đại Hoàng sau đổi thành Đại Hữu, nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn (tức quê Vua Đinh).

Thời Trần, theo “*An Nam Chí Lược*”, một cuốn sách do Lê Tắc viết vào thời Trần, thì Ninh Bình thuộc phủ Trường An và giang lộ Đại Hoàng. Trong “*Đại Việt sử ký toàn thư*”, Ngô Sĩ Liên đề cập lộ Trường Yên vào năm 1246, phủ Trường Yên vào năm 1285, lộ Yên Khang vào năm 1292, châu Trường Yên thuộc phủ Kiến Hưng (Kiến Bình) vào năm 1370, và có hai huyện Lê Bình và An Ninh, hoặc bốn huyện Lê Gia, Uy Viễn, Mô Độ, Yên Ninh. Ngoài ra, Ninh Bình còn có một phần đất thuộc châu Ninh Hóa (có sách viết là Tuyên Hóa) gồm ba huyện Xa Lai, Xích Thổ và Khôi (nhưng sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư viết châu này mới được thành lập ở thời thuộc Minh).

Tuy nhiên, theo văn bia thời Trần đã được phát hiện ở vùng đất Ninh Bình, thời bấy giờ có lộ Đại Hoàng (1365), lộ Trường Yên (1365,1385), phủ Trường Yên, châu Hoàng (năm 1367) hương Đa Giá (1367), hương Trạo (1383). Cũng trên các văn bia này, chúng ta biết rằng thời Trần không có cấp hành chính sau: lộ (hoặc phủ) - hương (hoặc châu) - xã (hoặc phường chài) - làng (chữ làng viết Nôm). Không riêng gì ở Ninh Bình mà các văn bia thời Trần trong cả nước hiện đã biết thì đều có đơn vị hành chính hương mà vắng bóng đơn vị huyện. Cho đến giai đoạn thuộc Minh (1407 - 1427), hương đổi thành huyện...

Kinh tế - xã hội Ninh Bình thời Trần

Năm 1226, nhà Trần thay nhà Lý trị vì đất nước. Các vua Trần bắt tay ngay vào việc củng cố, xây dựng bộ máy quản lý nhà nước. Tất cả những chức vị quan trọng đều do tôn thất họ Trần nắm giữ và được phái đi trấn trị tại các địa phương. Năm 1242, Trần Thái Tông đổi 24 lộ nhà Lý thành 12 lộ. Dưới lộ, phủ, là các châu, huyện. Cấp chính quyền cơ sở thấp nhất trong hệ thống hành chính cấp địa phương đời Trần là hương, xã, sách. Ninh Bình đầu đời Trần gọi là lộ Trường Yên, sau đổi là trấn Trường Yên.

Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thắng lợi, cùng với cả nước, Ninh Bình ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống thanh bình. Những chính sách kinh tế - xã hội mà nhà Trần thực hiện trước các cuộc kháng chiến lại được tiếp tục tiến hành trong điều kiện và bối cảnh mới. Trên đất Ninh Bình, nhiều nơi ở phía tây và nam Hành cung Vũ Lâm, Vua Trần và các tướng lĩnh cùng gia quyến chọn làm nơi “tạm lánh” trong chiến tranh, giờ đây trở thành những vùng đất canh tác màu mỡ, có dân cư đến sinh cơ lập nghiệp.

Dưới thời Trần, đất ruộng bỏ hoang còn nhiều, nên nhà nước khuyến khích khai hoang các vùng ven sông, ven biển. Theo ghi chép của sử cũ: “Mùa Đông, tháng 10 (năm 1266), xuống chiếu do các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần, chiêu nạp những người không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng hoang để làm điền trang. Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đây” [6].

Thời Trần, với chính sách phong cấp thái ấp cho các vương hầu, quý tộc, đã tạo cho nhiều vùng, trong đó có Ninh Bình, trở nên sầm uất. Ninh Bình thời Trần có nhiều thái ấp của các quý tộc cao cấp như làng Tùy Hối (nay thuộc xã Gia Tân, huyện Gia Viễn) do Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng mở mang và xây dựng. Và các thái ấp của công chúa Trần Ngọc Một ở Ninh Khánh, thái ấp của Đào Dương Bất ở Ninh An (huyện Hoa Lư)...

Vùng đất ven các sông Đáy, sông Hoàng Long... được liên tục đắp đê trong thời Trần và vùng ven biển đất đai không ngừng mở rộng đã trở thành địa điểm thu hút nhiều người đến sinh cơ lập nghiệp.

Vào thế kỷ XIII, các dòng họ Đinh, Bùi, Lê, Nguyễn... tụ tập về đây dựng nên các làng Xuân Dương, Yên Cư và Yên Khê (xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh ngày nay). Cuối thế kỷ XIV-XV, các ông Huyền Long (tổ họ Phạm), Lê Lang (tổ họ Lê Bá), Vũ Ngọc Miên (tổ họ Vũ)... đều là huyện Ý Yên (tỉnh Nam Định) đến khai hoang lập ấp. Nơi đầu tiên mà các ông đặt chân tới đó là thôn Trung (xóm 5). Họ là những người đầu tiên khai phá vùng đất này (Khánh Mậu, Yên Khánh).

Và vào thời Trần, sau các lần chiến thắng quân giặc ở phía nam, nhiều dân phu được đưa đến Yên Tế, Lục Động (vùng giáp cửa Thần Phù, nay là xã Yên Thái)...để canh giữ nơi hiểm yếu và khai khẩn đất đai, thành lập làng mới. Chính do những chính sách khuyến nông, khai hoang, cải tạo hệ thống thủy lợi, đào sông, lấn biển, bảo vệ sản xuất của nhà Trần, mà cả một vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Cả rộng lớn, trong đó có Ninh Bình, trở thành nơi sản xuất nhiều lúa gạo. Sứ giả nhà Nguyên là Trần Phu, khi sang nước ta, trong bài thơ “An Nam tức sự” cũng đã phản ánh tình hình mùa màng của Đại Việt như sau: “Lúa mỗi năm chín bốn lần, tuy vào giữa mùa Đông mà mạ vẫn mườn mượt” [7].

Thời Trần, Phật giáo được từ vua đến quan và dân tôn thờ. Những năm cuối đời, Thượng hoàng Trần Nhân Tông dồn sức xây dựng một Thiên phái nhập thế mang đặc trưng Việt Nam - Thiên phái Trúc Lâm. Năm 1295, sau khi đích thân cầm quân dẹp loạn ở vùng biên giới. Ai Lao thắng lợi trở về, Thượng hoàng Trần Nhân Tông cho người sang Trung Quốc xin một bộ kinh Đại Tạng đồ sộ với 1.233 mục, in thành 6.010 bộ, lưu giữ ở Thiên Trường và cho xây chùa ở Hành cung Vũ Lâm (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư). Sau này trở thành đền Thái Vi, thờ ba vị vua nhà Trần là Trần Nhân Tông, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông.

Ninh Bình với điều kiện tự nhiên có nhiều cảnh trí “sơn thủy hữu tình”, lòng dân mộ Phật và sau chiến tranh, nền kinh tế được phục hồi, tạo điều kiện cho chùa chiền mọc lên khắp nơi. Trong số các chùa được xây dựng vào thời kỳ này, nổi tiếng nhất là chùa Dầu (Khánh Hòa, huyện Yên Khánh), chùa Kim Cương và tháp Hiền Diêu (thôn Áng Sơn, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư), chùa và tháp Linh tế (thành phố Ninh Bình)...

Ngoài ra, ở núi Hối Hạc, trên vách đá còn có bài minh do Hồ Tông Thốc soạn ngày 7, tháng Chạp, năm Quý Hợi tức năm Xương Phù thứ 7 cho biết: “Khởi công mùa Thu năm Nhâm Tuất (1382), hoàn thành mùa Xuân Quý Hợi (1383). Đặt năm chục mẫu ruộng tế để dùng cho các lễ tiến hưởng bốn mùa và cuối năm, cắt ra mười người nô tỳ, mọi việc xa gần, thực ra giao cho sư ở đây” [8].

Vào cuối thế kỷ XV, nhà Trần lún sâu vào những cuộc khủng hoảng trầm trọng. Nhân cơ hội ấy, Chiêm Thành nhiều lần cho quân xâm chiếm Đại Việt.

Vùng đất Yên Mô, Yên Khánh ngày nay, xưa giáp cửa sông Đáy, sông Càn trở thành những chiến tuyến ngăn chặn và in đậm trận chiến đấu chống quân Chiêm Thành xâm lược.

Giáo dục

Thế kỷ XIII là thời kỳ hưng thịnh của nhà Trần (1225–1400) - một triều đại vừa kiên cường chống ngoại xâm, vừa chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục, khoa cử và đào tạo nhân tài. Sau ba lần chiến thắng quân Mông - Nguyên (1258, 1285, 1287–1288), nhà Trần càng quan tâm hơn đến việc củng cố quốc gia bằng “văn trị” song hành với “võ công” [9]. “Triều đình Trần kế thừa và phát triển nền giáo dục Nho học thời Lý, lấy “Tứ thư - Ngũ kinh” làm cơ sở đào tạo, mở rộng khoa cử, trọng dụng người hiền tài, thể hiện quan điểm “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. Chính sách giáo dục được triển khai từ trung ương đến địa phương, trong đó vùng Ninh Bình - một địa phương có truyền thống văn hiến - giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo và cung cấp nhân tài cho đất nước” [10].

Ninh Bình từ thời Lý - Trần đã nổi tiếng là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa đồng bằng và miền núi. Các làng xã ở đây hình thành truyền thống tôn sư trọng đạo, khuyến học, trọng hiền tài, thể hiện qua việc lập văn chỉ, văn miếu, nhà học làng và tổ chức các lớp học chữ Hán, chữ Nôm. Dưới triều Trần, vùng đất này không chỉ là hậu cứ kháng chiến quan trọng mà còn là nơi nuôi dưỡng, đào tạo nhiều danh sĩ đã có công lớn với triều đình. Nhiều dòng họ ở Ninh Bình như họ Trương, họ Đào, họ Nguyễn, họ Phạm... có truyền thống khoa bảng, hiếu học lâu đời. Trong giáo dục thi cử, nhà Trần lập ra hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh: từ trường học ở phủ, lộ, châu đến Quốc tử giám ở kinh đô Thăng Long. Ở Ninh Bình (thuộc lộ Trường Yên, sau là phủ Tràng An), các lớp học tư được mở ở nhiều làng xã, do các nho sinh, nho sĩ đảm nhiệm. Việc học chủ yếu tập trung vào kinh điển Nho giáo, chú trọng đạo lý trung quân, hiếu nghĩa, đồng thời kết hợp dạy chữ, dạy lễ và giáo dục lòng yêu nước. Nhà Trần tổ chức thi Minh kinh bác học, thi Thái học sinh, chọn người hiền tài ra giúp nước. Nhờ đó, nhiều người con Ninh Bình đỗ đạt, ra làm quan, góp phần vào việc xây dựng đất nước.

Nhắc đến giáo dục của Ninh Bình không thể không nhắc tới Trương Hán Siêu và Đào Dương Bất. Trương Hán Siêu quê ở làng Phúc Am, nay thuộc phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình. “Ông là học trò của Trần Hưng Đạo, nổi tiếng học rộng, có công trong kháng chiến chống Mông -Nguyên và là một học giả lớn thời Trần. Sau này, ông làm đến chức Hàn lâm học sĩ, từng dâng nhiều bản điều trần về chính trị, văn hóa, giáo dục. Tác phẩm “Bạch Đằng giang phú” của ông là kiệt tác văn học -sử học, thể hiện tinh thần yêu nước và tư tưởng giáo dục khai sáng [11]. Ngoài ra, chúng ta còn biết tới đó chính là Đào Dương Bất người xã Ninh An, huyện Hoa Lư. Ông là tiến sĩ dưới triều Trần, nổi tiếng văn võ song toàn, từng tham gia kháng chiến chống Mông -Nguyên, góp công cố vấn trong triều và đào tạo nhân tài địa phương” [12].

Hệ thống giáo dục và thi cử ngày càng quy củ. Tại kinh đô, lập Quốc học viện dành cho con cháu quý tộc, sau mở rộng cho các con cháu quý tộc, sau mở rộng cho các Nho sĩ học giỏi. Thời Trần, thái học sinh Trương Hán Siêu, người Ninh Bình từng dạy hoàng tử suốt ba đời vua, được vua trọng là thầy (không gọi tên), ban chức Thiếu phó, rồi thăng Thái phó; được thờ tại miếu Đế vương các triều đại.

Không những vậy về giáo dục Nhà Trần đã mở 14 khoa thi, tuyển 238 tiến sĩ, 12 trạng nguyên. Thời này, người Ninh Bình đạt khoa bảng cao gồm có:

- Trương Hán Siêu, thái học sinh (tiến sĩ), người làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, phủ Trường Yên, sau là thôn Phúc Am, xã Ninh Thành, huyện Hoa Lư, nay là thành phố Ninh Bình.

- Đinh Quý Công, tiến sĩ, người làng Yên Phúc, xã Thiện Trạo, tổng Thiện Trạo, huyện Yên Khánh thời Nguyễn, nay là thành phố Ninh Bình.

- Lê Quý Công, tiến sĩ, Viện Hàn Lâm, người xã Thiện Trạo, tổng Thiện Trạo, huyện Yên Khánh thời Nguyễn, nay là thành phố Ninh Bình.

- Nguyễn Hữu Đăng, tiến sĩ, Ngự sử đài, người xã Yên Phúc, tổng Thiện Trạo, huyện Yên Khánh thời Nguyễn, nay là thành phố Ninh Bình.

Từ cuối thế kỷ XIII, Ninh Bình là một trong những điểm tập kết của quân đội nhà Trần cho những lần đi dẹp loạn ở phía nam hoặc tiến đánh Chiêm

Thành. Năm 1295, sau khi đánh thắng quân Chiêm Thành trở về, Vua Trần Anh Tông đã dừng lại ở Phúc Thành cảng và làm bài thơ “Chinh Chiêm Thành hoàn châu bạc Phúc Thành Cảng” đậm chất anh hùng ca thắng trận.

Giáo dục Ninh Bình dưới thời Trần góp phần đào tạo đội ngũ trí thức trung thành với triều đình, có năng lực văn trị, góp sức vào việc củng cố quốc gia sau chiến tranh. Phong trào học tập, tôn sư trọng đạo lan tỏa trong dân gian, hình thành truyền thống hiếu học bền vững cho các thế kỷ sau. Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm văn hóa - giáo dục của Đại Việt thời Trần.

Tiểu kết chương 1

Chương I đã tập trung trình bày bối cảnh lịch sử, khái quát về triều đại nhà Trần, các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên trong thế kỷ XIII, đồng thời giới thiệu khái quát về vùng đất Ninh Bình - nơi có vị trí quan trọng trong tiến trình lịch sử dân tộc thời kỳ này.

Trong thế kỷ XIII, Đại Việt đã ba lần tiến hành kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258, 1285 và 1287–1288). Cả ba cuộc kháng chiến đều diễn ra trong hoàn cảnh đất nước phải đối đầu với đế chế Mông - Nguyên hùng mạnh nhất thế giới đương thời. Dưới sự lãnh đạo tài tình của triều đình nhà Trần, cùng với sự đoàn kết của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Ninh Bình nói riêng đã giúp cuộc kháng chiến thắng lợi.

Tóm lại, chương một đã làm rõ những nét cơ bản về bối cảnh lịch sử, vai trò của triều Trần và các cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, đồng thời khẳng định vị trí, ý nghĩa của vùng đất Ninh Bình trong tiến trình lịch sử dân tộc. Những tiền đề này là cơ sở quan trọng để đi sâu tìm hiểu vai trò cụ thể của Ninh Bình và con người nơi đây trong các cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, cũng như sự phát triển của vùng đất này trong thời kỳ nhà Trần ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA VÙNG ĐẤT NINH BÌNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG - NGUYỄN THẾ KỶ XIII

2.1. Các cơ sở hậu cứ, kháng chiến ở Ninh Bình trong kháng chiến chống Mông -Nguyễn

2.1.1. Hành cung Vũ Lâm

Hành Cung Vũ Lâm hình thành ban đầu làm nơi tu hành đạo Phật của Trần Thái Tông; đồng thời, trước ý đồ xâm chiếm bằng đường Đại Việt, nó đã trở thành căn cứ địa 2 lần đánh tan quân Mông - Nguyễn đã để lại rất nhiều ấn tượng về một tài năng, nhân cách cao vời của một vị vua mở đầu, kiến tạo và định hướng cho toàn bộ sự nghiệp giữ nước và dựng nước của triều đại nhà Trần (1224 - 1400). Vùng Vũ Lâm xưa được gọi là động Vũ Lâm. Nơi đây nằm trong quần thể miền rừng núi Hoa Lư. Nơi đây, từ năm 968, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, Vạn Thắng vương Đinh Bộ Lĩnh đã lập kinh đô; 290 năm sau (1258) Trần Thái Tông chọn động Vũ Lâm không chỉ phù hợp với việc tu trì Phật đạo, mà còn là nơi đắc dụng cho một đại bản doanh, sẵn sàng cho một cuộc đối đầu không cân sức, khó tránh khỏi với quân Mông - Nguyễn .

Hành cung Vũ Lâm xưa rộng 4.866,14ha. Thời Trần chưa có địa giới các xã như hiện nay, chỉ là một vùng rừng núi, ngày nay gồm các xã: “xã Ninh Thắng có diện tích 409,74ha, xã Ninh Hải có diện tích 2.190,96ha, xã Ninh Xuân có diện tích 965,44ha và xã Ninh Ninh Vân có diện tích 1.300,00ha” [13, p. 28]. Nơi đây, cả ba mặt Tây, Nam, Bắc đều có núi lập nên thành lũy, phía Đông gồm nhiều sông ngòi hướng ra biển, hoàn toàn thuận lợi cho việc rút quân chiến lược từ Thăng Long về "Tổng hành dinh" chỉ huy kháng chiến và sẵn sàng chế ngự các cánh quân của giặc từ phía Nam đánh ra bằng đường bộ hoặc tiến công từ biển vào theo đường sông.

Từ thực tế do muôn củng cố lực lượng, xây dựng hậu cứ vững mạnh ở thời đó, vua Trần Thái Tông đã chọn phủ Trường Yên (Hoa Lư, Ninh Bình) là nơi có nhiều núi đá vôi khép kín và mở, xen giữa là những sông ngòi chằng chịt để xây

dựng Hành cung. Nhà vua đã chọn nơi này làm hậu cứ để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai và lần thứ ba.

Trong lần thứ 2 kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thì Hành Cung Vũ Lâm là nơi tạm lánh, thuận tiện cho việc che mắt quân địch, cất giấu lương thực, khí giới, luyện tập quân sĩ và sản xuất lương thực. Và đúng như dự đoán của các vua Trần 50 vạn quân Mông - Nguyên đã kéo vào nước ta dưới sự chỉ huy của Thoát Hoan đã chính thức xâm lược nước ta lần 2. Vào ngày 3 tháng 5 năm Ất Dậu hai vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông cùng Trần Hưng Đạo đã đánh tan một bộ phận quân Mông - Nguyên ở đây “Tháng 5, ngày mùng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên (Ninh Bình) chém đầu cất tai giặc nhiều không kể xiết” [14, p. 56]. Quân Mông - Nguyên xác phơi kín đồng cỏ, máu chảy đỏ cả một vùng.

Trận đánh quân Mông - Nguyên diễn ra tại Thung lũng đá vôi Thiên Dưỡng. Ở giữa thung lũng đá vôi Thiên Dưỡng thuộc xã Ninh Vân nói trên hiện nay có cánh đồng Cửa Mả và gần đó có thung lũng Mồ, vì có nhiều mồ mả nên nhân dân địa phương vẫn gọi thung lũng này là “Đất chiến địa” để ghi nhận điều đó. Trận đánh quân Mông - Nguyên ở phủ Trường Yên vào ngày 3 tháng 5 năm 1285 là trận đánh có tầm chiến lược, có ý nghĩa quyết định đã tiêu diệt rất nhiều quân Mông - Nguyên, góp phần nhanh chóng quét sạch quân Mông - Nguyên ra khỏi đất Đại Việt sau đó. Một lần nữa cho thấy phủ Trường Yên không chỉ là đất Đế Đô mà còn là đất chiến địa tiêu diệt quân thù. Như thế Hành cung Vũ Lâm là một địa danh rất quan trọng ở thời Trần, là đầu não của cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ 2 năm 1285 và lần thứ 3 năm 1288, có chỗ đứng vững chắc trong lịch sử dân tộc.

Nước Đại Việt đã ba lần đánh tan quân Mông - Nguyên, nêu cao khí tiết bất khuất của dân tộc, trong đó có Hành cung Vũ Lâm là một trong những căn cứ quan trọng giúp chiến thắng quân Mông - Nguyên, đây được coi là nơi căn cứ trọng yếu của cuộc kháng chiến để có được thắng lợi ấy. Hành cung Vũ Lâm ngoài vai trò về quân sự còn có giá trị to lớn về chính trị, văn hóa và tinh thần. Về chính trị đây chính là một nơi thể hiện bản lĩnh kiên cường của triều Trần

trong thời điểm đất nước rơi vào tình thế hiểm nguy nhất, là nơi “tạm lui để tiến”, củng cố sức mạnh nội lực của dân tộc. Tiếp đó, không thể không nhắc tới đó là về văn hóa - tinh thần bởi sau kháng chiến, Hành cung Vũ Lâm trở thành nơi vua Trần Nhân Tông tu hành, mở đầu cho dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử - biểu tượng cho tinh thần hòa hợp giữa đạo và đời. Bên cạnh đó, nhiều dấu tích về kiến trúc, nền móng, di vật tại khu vực này còn lưu giữ đến nay, minh chứng cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của Đại Việt thời Trần.

Như vậy, có thể nói Hành cung Vũ Lâm là một biểu tượng của trí tuệ và bản lĩnh nhà Trần, nơi kết tinh của trí tuệ, sức mạnh về chính trị, quân sự, văn hóa và tâm linh. Trong kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII, nơi đây không chỉ là căn cứ chiến lược mà còn là minh chứng to lớn cho tư duy “nhìn xa trông rộng” quân sự tài tình và tinh thần đoàn kết của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Ninh Bình nói riêng - một trong những trang sử vàng chói lọi nhất của dân tộc Việt Nam.

Đền Thái Vi

Đền Thái Vi nằm ở thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Đền thờ 3 vị vua nhà Trần là Trần Thái Tông (1225-1258), Trần Thánh Tông (1258-1278), Trần Nhân Tông (1278-1293). Đền được xây dựng từ thời nhà Trần là Trung tâm Đạo giáo của đời Trần. Tương truyền, đền Thái Vi được xây dựng trên nền cung điện Thái Vi của Hành cung Vũ Lâm thời Trần.

Theo sách “*Thái Vi quốc tế ngọc ký*”, sau cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258), Vua Trần Thái Tông nhường ngôi cho Thái tử Hoảng rồi đến vùng núi Vũ Lâm lập am Thái Vi. Tấm bia khắc năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) ca ngợi đền đẹp “*tựa thiên đình*”. Hành cung Vũ Lâm được Trần Nhân Tông mô tả trong bài thơ “*Vũ Lâm thu vãn*” như sau:

“Lòng khe in ngược bóng cầu hoa
Hắt sáng bờ khe vệt nắng tà.
Lặng lẽ ngàn non rơi lá đỏ,
Trong mây vắng vắng tiếng chuông xa”.

(Bản dịch thơ của Trần Thị Băng Thanh)

Tương truyền, khi ở am Thái Vi, Trần Thái Tông đã cho xây dựng các trạm gác kiên cố như Cửa Quan, Gò Mung, Cửa Quên. Đình các nơi là bá quan văn võ sửa mũ áo chuẩn bị vào am Thái Vi, làng Hạ Trạo là nơi hạ mái chèo, làng Hành cung là nơi vua ở. Hiện nay, những di tích đó chỉ tồn tại trong tên gọi, còn đền Thái Vi thờ các vua Trần được xây dựng trên nền cung Thái Vi xưa. Theo sách Thái Vi quốc tế ngọc ký, cung Thái Vi tồn tại trong ba đời vua: Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Thái Tông. Sau khi Trần Nhân Tông mất (1308), cung Thái Vi là nơi tưởng niệm các vua Trần. Đến đời Hậu Lê, đền Thái Vi bị hư hỏng nhiều. Tầm bia dựng năm Bảo Đại thứ nhất (1926) ở đền cho biết, nhân dân xã Ô Lâm đã quyên tiền tu sửa lại thượng điện (chính tâm), cột hoành bằng, gỗ lim, trên lợp ngói ống. Từ mùa Hè năm Ất Sửu (1925) đến mùa Xuân năm Bính Dần (1926), nhân dân thôn Văn Lâm đã sửa chữa lại ngôi đền như ngày nay.

Có thể nói, đền Thái Vi không chỉ là nơi thờ phụng mà còn là biểu tượng tinh thần đoàn kết thể hiện sự gắn kết tinh thần quân dân giữa triều đình nhà Trần và quân dân vùng Vũ Lâm. Nơi đây được coi là “thủ phủ kháng chiến” trong thời kì này, là nơi hội tụ các lực lượng nghĩa quân từ khắp nơi về. “Các Hành cung thời Trần như Vũ Lâm vừa là trung tâm chính trị, vừa là biểu tượng cho sự hòa hợp giữa quyền lực và đức tin, thể hiện triết lý trị quốc của nhà Trần” [15].

Đền Thái Vi là nơi các vua Trần, đặc biệt là Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông, từng sống, tu hành tại đây. Không chỉ mang ý nghĩa về tôn giáo mà còn thể hiện chính sách dựa vào dân - nền tảng thành công của triều Trần trong kháng chiến. Sau khi chiến thắng nhân dân đã lập đền thờ tại đây để ghi nhớ công ơn đối với các vua nhà Trần.

Như vậy, vùng đất Ninh Bình nói chung và đền Thái Vi nói riêng được coi là hậu cứ quan trọng bảo vệ Kinh đô Thăng Long. Nơi đây là nơi ẩn náu và chỉ huy kháng chiến của triều đình. “Thành công của ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên không chỉ đến từ chiến lược tài tình của nhà Trần, mà còn nhờ sự góp sức của các căn cứ địa trọng yếu như vùng Hoa Lư - Ninh Bình” [16].

2.1.2. Các cơ sở khác

Núi Non Nước

Núi Non Nước, nằm ngay trung tâm vùng đồng bằng Ninh Bình, là đỉnh cao chiến lược, vừa thuận lợi quan sát, vừa là vị trí tập kết lực lượng khi đất nước lâm nguy. Để thấy rõ được vị trí, vai trò của núi Non Nước thì chúng ta cùng tìm hiểu một số điểm cụ thể sau:

Núi Non Nước tọa lạc tại trung tâm thành phố Ninh Bình, bên hợp lưu của ba con sông lớn: sông Vân và sông Đáy. Ngọn núi cao khoảng hơn 100 mét, bốn phía bao quanh là nước và núi đá vôi, tạo nên thế “sơn thủy hữu tình”. Địa hình hiểm trở, nhiều hang động và sông ngòi chằng chịt khiến nơi đây trở thành vị trí phòng thủ tự nhiên lý tưởng. Từ đỉnh núi có thể quan sát toàn bộ khu vực đồng bằng Ninh Bình, Tam Điệp và hướng ra vùng kinh đô Hoa Lư xưa. Đời vua Lý Nhân Tông (1091), trên đỉnh núi có xây dựng một tòa tháp rất đẹp gọi là tháp Linh Tế. Trải qua 250 năm, do sự tàn phá của thời gian, tháp chỉ còn là một nền hoang ngổn vỡ, vùi lấp giữa lùm cây rậm rạp, đá tảng ngổn ngang. Mãi đến năm Đinh Sửu (1337) đời vua Trần Hiến Tông, nhà sư Trí Nhu trụ trì chùa Sơn Thủy (chùa Non Nước) mới cho khởi công lại, đến năm Quý Mùi (1343) đời vua Trần Dụ Tông mới hoàn thành. Lúc này, Trương Hán Siêu đang giữ chức tả lý lang trung, tả gián nghị đại phu ở Thăng Long, được nhà sư Trí Nhu mời viết bài minh cho việc dựng tháp. Trương Hán Siêu đã soạn bài “*Dục Thúy sơn linh tế tháp ký*” rồi cho khắc vào sườn núi Non Nước để lưu truyền hậu thế.

Dưới thời Trần, vùng Tràng An - Hoa Lư - Non Nước được coi là “phên giậu” bảo vệ kinh thành Thăng Long. Khi quân Mông - Nguyên tiến đánh, triều đình nhiều lần rút lui về vùng rừng núi Ninh Bình để củng cố lực lượng. Tại đây có thể tiếp nhận và vận chuyển lương thảo, khí giới, binh thuyền từ Thanh Hóa và Nghệ An ra Bắc. Núi Non Nước, với địa thế hiểm trở và vị trí trung tâm, trở thành điểm quan sát, nơi đóng quân và tiếp tế hậu cần.

Có thể nói, núi Non Nước lúc bấy giờ được coi là “tai mắt” có tác dụng giúp nhà Trần nắm bắt nhanh chóng mọi thông tin để kịp thời chủ động ứng phó với quân Mông - Nguyên. Thế núi Non Nước trên cao, lại nằm giữa trung tâm

của Ninh Bình giúp bao quát nắm bắt được mọi thông tin tạo thuận lợi giúp quân ta chủ động mà không sợ bị giặc tới bất ngờ. Còn Hành cung Vũ Lâm lúc bấy giờ được ví như “trái tim” mà vùng Non Nước cần bảo vệ.

Ngày nay, trên núi Non Nước còn lưu lại nhiều di tích lịch sử có liên quan đến triều Trần như chùa Non Nước và nhiều truyền thuyết dân gian về tướng sĩ nhà Trần từng đóng quân tại đây. Non Nước không chỉ là thắng cảnh thiên nhiên mà còn là biểu tượng của tinh thần quật cường, lòng yêu nước và ý chí bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Đại Việt thời Trần.

Núi Non Nước (Ninh Bình) giữ vị trí đặc biệt trong lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung và trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần nói riêng. Với địa thế hiểm trở, vị trí chiến lược và giá trị văn hóa - tinh thần to lớn, Non Nước không chỉ là chứng tích lịch sử mà còn là biểu tượng của ý chí tự cường dân tộc. Việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích này sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn những trang sử hào hùng của triều Trần, đồng thời khơi dậy lòng tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước trong thế hệ trẻ hôm nay.

Tùy Hối

Tùy Hối (nay thuộc xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình) là một làng được thành lập sớm. Vào khoảng đầu thế kỉ XIX, Tùy Hối là một xã thuộc tổng Tri Hối, huyện Gia Viễn, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Theo địa danh cũ thì ranh giới của Tùy Hối được xác định như sau: Phía Đông giáp xã La Mai. Phía Tây giáp xã Trường Yên Hạ. Phía Nam giáp xã Trung Trữ. Phía Bắc giáp sông lớn, xã La Mai...Nơi đây gắn liền với những nhân vật nổi tiếng thời Trần: Tô Hiến Thành thời Lý, Nguyên Từ Quốc mẫu và Trần Quốc Tảng thời Trần.

“Theo một số nhà nghiên cứu gần đây nhất là trong *“Địa chí Ninh Bình”* đã cho rằng Tùy Hối là thái ấp của Trần Quốc Tảng” [17, p. 64].

Trong số các cơ sở tín ngưỡng của Tùy Hối, Gia Tân (đình Trùng thượng, đình Trùng hạ...) thì đền Quốc mẫu là nơi thờ Nguyên từ Quốc mẫu và Trần Quốc Tảng. Tại đền Quốc mẫu hiện đang lưu giữ một bản Trần triều ngọc phả rất giá trị. Bản Trần triều ngọc phả có nhiều nội dung phản ánh về Nguyên từ

Quốc mẫu, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Tảng, về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, Chăm - pa thời Trần, về các chính sách kinh tế, xã hội của triều Trần, về quá trình khai hoang, mở rộng làng xã của Tùy Hối.

Bà Trang Nương là “con gái ông Trần Quảng - một tôn thất nhà Trần và làm quan trong triều, lấy vợ là bà Lê Thị Khánh. Có một lần bà mơ thấy giấc mơ kì lạ, sau đó kể lại với quan Trần. Ông Trần cười nói: Giấc mộng ấy thật đẹp, tất sinh con gái, nhưng đến khi trưởng thành muốn gả cho một người thì người khác lại đến cưới. Từ đó Thái bà có thai.” [18]. Sau này, bà sinh ra được một người con gái với nhan sắc diễm lệ nghiêng nước nghiêng thành, và cho tới năm lên 3 tuổi được cha đặt tên là Trang nương. Và đúng như lời dự đoán của quan Trần thì bà là một người xinh đẹp, đến khi gả chồng Thụy bà định gả cho con của Trung Thành vương, nhưng chưa kịp thì một đêm, Trần Quốc Tuấn (là con của Hoàng thúc Trần Liễu) đến nhà Thụy bà bắt lấy Trang nương về làm vợ.

Sau này, bà được Tôn Hưng Đạo Đại vương là Quốc công thượng phụ đã phong bà Trang nương làm Bảo Huệ phu nhân, tôn là Quốc mẫu. Sau khi Hưng Đạo Đại vương mất bà cùng Đức Hưng Nhượng xin vua Nhân Tông đi chu du tứ hải. Một hôm đến xã Tùy Hối, động Hoa Lư, phủ Trường Yên, châu Ái có sông nước uốn quanh, rồng lượn vòng vèo, lại có hình cò bay lượn trái, địa thế như chiêng trống nổi lên trước mặt. Ngài cho đây cảnh thắng, phong quang đẹp nhất, truyền cho binh sĩ đóng lại, cùng với nhân dân trong xã Tùy Hối thiết lập cung sở để đức Quốc mẫu, để đức Quốc khảo làm nơi an nghỉ.

Ngày thường, lúc rảnh rỗi, đức Nhập nội cho triệu tập nhân dân Tùy Hối già trẻ, khuyên bảo nhân dân phải cần cù lao động, lấy nông nghiệp làm gốc, lấy nhân nghĩa dạy dân, phải ăn ngay ở thẳng, cùng nhau đoàn kết, trên thuận dưới hòa, trở thành thuần phong mỹ tục. Nhượng Công là người có công lớn với dân.

Sau một thời gian nghỉ tại Tùy Hối ngài mắc bệnh và đã mất tại cung sở. Đức Nhập nội cùng nhân dân Tùy Hối rước linh cữu về trại Vạn Kiếp an táng cùng với Hưng Đạo Đại vương. Vua Trần Anh Tông sau khi nghe tin đã tổ chức lễ và an táng ngài rất long trọng. Và vua đã gia phong thêm mỹ tự thần hiệu cho

Quốc mẫu: Bảo Huệ phu nhân, cho dân Tùy Hối rước thần hiệu về thờ và dựng miếu.

Đức Nhập nội sau khi ra trận đã “đánh bại quân Chiêm, Ai Lao đại bại chạy toán loạn” [18, p. 70], lúc trở về Nhập Nội Quốc khảo Hưng Nhượng Đại vương tâu với vua Anh Tông rằng: “Nhân dân xã Tùy Hối thuộc động Hoa Lư đối với thần là hậu nghĩa. Nhân dân ở đây đã phụng sự thờ thần mẫu là Bảo Huệ phu nhân, thần xin đức vua miễn tô thuế, các việc binh dịch cho dân xã Tùy Hối sau này khi thần trăm tuổi cũng được thờ chung với thần mẫu”. Anh Tông xuống chiếu chuẩn y. Được tin nhân dân Tùy Hối vô cùng vui mừng và biết ơn. Và khi Đức Nhập nội qua đời đã được vua gia phong mỹ tự thần hiệu, giao cho ngành phụng về Tùy Hối thờ cúng một miếu với Quốc mẫu.

Qua đó có thể thấy công lao của Bảo Huệ phu nhân và Đức Nhập nội đối với nhân dân Tùy Hối là vô cùng quan trọng. Họ đã trực tiếp khuyến khích dân tham gia lao động sản xuất, dạy dân ăn ở ngay thẳng và cùng với đó là xin nhà vua miễn giảm tô thuế cùng các việc binh dịch cho nhân dân.

“Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258 thắng lợi, vùng có sông Hoàng Giang thuộc Ninh Bình được các vua Trần rất quan tâm và trở thành thái ấp của Trần Quốc Tảng: “Thái ấp của Trần Quốc Tảng tại ngã ba Gián Khẩu”. Đó là một ngã ba sông quan trọng, vị trí quân sự trọng yếu lại liền kề vùng có địa hình hiểm yếu thuộc đất Gia Viễn, Hoa Lư và sau này đã trở thành một khu vực quan trọng của các Vua Trần. Trong khoảng thời gian bị quân Mông - Nguyên xâm lược nước ta gặp rất nhiều khó khăn, nhất là về mặt lương thực một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Bởi vậy, việc thái ấp của Trần Quốc Tảng được lập tại ngã ba Gián Khẩu (Tùy Hối) là một trong những căn cứ quan trọng của nhà Trần, bên cạnh đó ông còn khai hoang lập ấp giúp dân làm nông tạo ra được nhu yếu phẩm cần thiết trong hoàn cảnh khó khăn cũng như sau này” [19, p. 347].

Thuần Dầu, Mả Lãng

Chùa Dầu hiện nay thuộc phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Trong lịch sử, vùng đất này đã trải qua nhiều biến đổi về đơn vị hành chính. Ở thời

Trần (1226-1400), hai xã Hương Du và Phương Du thuộc huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên. Theo thông tin chùa đã được xây dựng từ lâu đời với tên là Linh Nha. Điều đó được xác tín bởi ghi chép trong *Nam sử tiền biên* và *Thái Vi quốc tế ngọc phả*.

Theo ghi chép của các sách này, khi quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ 2 năm 1285, trước sức mạnh hùng hậu của giặc, triều đình dưới sự chỉ huy của vua Trần Nhân Tông đã tạm rời bỏ Kinh thành Thăng Long để tránh cái thế mạnh ban đầu của chúng. Nhà vua xuống chiếu dời đô về căn cứ địa Trường Yên thuộc phủ Trường Yên (nay là các xã Ninh Hải, Ninh Thắng, Ninh Vân, Ninh An huyện Hoa Lư) để lập căn cứ chống giặc cứu nước. Hoàng tử Ngự Câu vương được lệnh của triều đình đem quân về trấn giữ miền duyên hải phía Nam căn cứ địa. Hoàng tử lấy địa thế khu Thần Đầu, Mả Lãng (gần chùa Dầu hiện nay) làm nơi đóng bản doanh, chiêu tập hiền tài, tuyển lựa sĩ tốt, củng cố đồn lũy, tích tụ lương thảo, rèn luyện thủy bộ để bảo vệ mặt Đông Nam căn cứ địa Thái Vi, nơi vua cùng cả triều đình trấn giữ. Hiện nay quanh khu chùa Dầu vẫn còn một số di tích, địa danh như: Mả Lãng, gò thuyền Rồng, gò Mả Mã (nơi chôn dất, trao đổi ngựa), gò Rừng Bò, khu vườn Giáo...

Vào những năm thập niên 80 của thế kỉ XX, khi đào đất xây dựng công trình công cộng, nhân dân đã phát hiện được nền móng chùa Dầu và bản doanh của Hoàng tử Ngự Câu vương.

Sau chiến thắng giặc Mông - Nguyên lần thứ 2 (1285) đến năm 1287, công chúa Huyền Tư được lệnh triều đình xuống căn cứ Thuận Đầu để ủy lại quân sĩ và thăm em trai. Khi xuống đây, Huyền Tư công chúa thấy có một ngôi chùa Linh Nha tự tuy nhỏ bé nhưng cổ kính, cảnh quan cây cối xanh tươi, hòa khí thịnh vượng, lại gần kề chỗ quân doanh của Hoàng tử em mình. Huyền Tư công chúa cho là nơi hợp với việc tu hành nên xin phép vua cha về Linh Nha tự quy y Phật đạo. Vốn là người sùng Phật nên nhà vua đồng ý và còn cho công chúa đem theo hai ông Thái học sinh là Tống Văn Triều (tự Huệ Nhân), Tạ Như Thủy (tự Phúc Độ), một cung phi là Nguyễn Thị Tú, một nội các viên là ông coi

vườn Ngự uyển, giữ chức Thái giám, một bà nữ mẫu Phạm Thị Vinh đi theo. Được vua cha chuẩn y, Huyền Tư công chúa đã về Linh Nha tự xuống tóc quy y.

Hoàng tử Ngự Câu vương sau khi đại thắng quân Nguyên - Mông cũng xin cha cho ở lại tu hành cùng chị. Nhà vua còn cấp cho hai chị em Huyền Tư công chúa và hoàng tử Ngự Câu vương 173 mẫu ruộng làm tự điền, tu sửa lại còn đường từ chùa Dầu vào chùa phủ theo hình rồng uốn khúc, tu sửa từ đường, tứ thời bát tiết phụng sự khói nhang.

Có thể nói tuy ngôi chùa chưa được xác định rõ thời gian khởi dựng, nhưng qua một số căn cứ ta có thể thấy ngôi chùa đã xuất hiện từ lâu đời và được trường tồn gắn bó mật thiết với thời nhà Trần. Cả chùa Dầu và Hương Du nơi đây là một trong những căn cứ quan trọng trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ 2 năm 1285 và tại đây cũng đã được chị em Huyền Tư công chúa và hoàng tử Ngự Câu vương tu sửa cũng như làm tự điền. Nhờ vậy, ở thời nhà Trần khu vực này cũng rất phát triển và là một trong những căn cứ quan trọng của nhà Trần.

Như vậy, có thể thấy chùa Dầu là một trong những căn cứ quan trọng giúp nhà Trần phòng thủ và nắm thế chủ động trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thế kỉ XIII. Không những vậy chùa Dầu còn là một mắt xích quan trọng giúp Vũ Lâm bảo vệ căn cứ.

Đông Trang

Lần xâm lược thứ nhất của quân Mông - Nguyên năm 1258, tuy giặc đã bị đánh toi bời phải tháo chạy nhưng thế giặc còn mạnh và luôn nuôi dã tâm bành trướng, nhằm thôn tính các lãnh thổ ở phía nam trong đó có nước Việt ta. Sau cuộc kháng chiến vua tôi nhà Trần cho xây dựng nhiều căn cứ quân sự ở nhiều nơi trọng yếu nhằm chuẩn bị trước cho chiến tranh.

Tại Phía Đông của Hành cung Vũ Lâm nhà Trần cử Tiến sĩ Đào Dương Bất tướng công làm người đứng đầu, lập chốt chặn tiền tiêu cảnh giới và đánh chặn giặc từ cửa biển Thần Phù đánh lên, nơi đây chính là làng Đông Trang ngày nay; xưa kia làng còn gọi tên Át Lỗ (Át là ngăn chặn, Lỗ là giặc; Mộc triện (con dấu bằng gỗ của Lý trưởng) khắc tên làng như vậy, khoảng từ năm 1900 chính quyền

phát con dấu đồng (đồng triện) cho tất cả các làng thay thế cho mộc triện, tên làng trên đồng triện là Đông Trang xã, xóa bỏ Ất Lỗ xã).

Tiền sĩ Đào Dương Bật là vị Sư tổ khai sáng Yên Ninh Tự, ông cũng là Thủy tổ họ Đào làng Đông Trang - Ninh An ngày nay. Đào đại tộc là một trong các dòng họ lớn của làng, đến nay cũng đã trải qua hơn 7 thế kỷ.

Căn cứ Đông Trang (nay thuộc xã Ninh An) nằm cách trung tâm Hành cung Vũ Lâm khoảng 4-5km về phía Đông Nam. Nơi đây có địa thế đặc biệt: “phía Tây giáp vùng núi đá Vũ Lâm, phía Đông hướng ra đồng bằng phía Yên Khánh, phía Nam có sông Vân và sông Đáy bao bọc. Với vị trí như trên, Đông Trang giữ vai trò là bức bình phong bảo vệ mặt trận phía Đông - Nam Hành cung Vũ Lâm. Và đây cũng là một trạm trung chuyển quan trọng kết nối giữa căn cứ trong núi và vùng đồng bằng, không những vậy Đông Trang còn được coi là Vành đai quân sự khép kín bảo vệ Hành cung Vũ Lâm”.

Ngoài ra vào thời gian ấy, Đông Trang còn được nhà Trần sử dụng cho việc huấn luyện và dưỡng quân, là nơi tập kết và vận chuyển lương thực...Nhiều truyền thuyết cho rằng tại đây từng có kho lương và trại quân nơi huấn luyện các binh sĩ trước khi xuất quân ra mặt trận.

Và Đông Trang còn được xây dựng bởi đây là cầu nối giữa Ninh Bình - Nam Định - Thanh Hóa. Tại đây có thể trao đổi thông tin, vận chuyển quân binh, vũ khí...một cách nhanh chóng. Việc xây dựng căn cứ tại đây giúp bảo vệ vùng Thanh Hóa cũng như báo động sớm tới căn cứ chính tại Hành cung Vũ Lâm giúp Hành cung chủ động đối phó khi quân địch tấn công từ hướng biển hoặc đồng bằng tiến vào.

Ở Đông Trang có một số các di tích lịch sử liên quan đến nhà Trần và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên:

Yên Ninh Tự (chùa Đông Trang)

Chùa được xây dựng làm chạm tiền tiêu cảnh giới giặc do Tiền sĩ Đào Dương Bật công sáng lập xây dựng. Chạm sẽ cảnh giới và đánh chặn giặc từ cửa biển Thần Phù vào, bảo vệ toàn khu vực Vũ Lâm - Thiện Dưỡng - Ô Lâm nơi triều đình “nhà Trần về tránh quốc nạn”. Cửa biển Thần Phù vốn là nơi “Khéo tu

thì nổi, vụng tu thì chìm” cũng bởi lẽ vậy mà ngài Tiến sĩ tướng công -người đứng đầu được giao xây chốt đánh giặc tại đây sau này đã xuất gia. Ngài đã hoàn thành sự nghiệp trong vai trò một vị tướng lĩnh triều đại kháng chiến, trong tư thế nhà tu hành đương thời mang tư tưởng phật giáo gắn bó cùng đức vua lúc bấy giờ, là vị vua xuất gia ở động Vũ Lâm mà sau này được suy tôn là Danh nhân - Phật hoàng Trần Nhân Tông.

Do bối cảnh lịch sử: Thời nhà Trần, người đứng đầu nhà nước thường nhường ngôi vua cho con và lên làm Thái Thượng hoàng, vừa lo việc nước vừa tu hành ở các nơi bên ngoài kinh thành, có lẽ cũng vì vậy mà thông tin về vị Tiến sĩ Thiền sư Tướng công Đào Dương Bất trong chính sử (hay quốc sử) không tìm thấy ghi chép nào, mà do trong dân gian (tư liệu dã sử, tộc phả) lưu giữ được đến nay.

Nhà thờ họ Đào Đông Trang

Chùa Yên Ninh và nhờ thờ họ Đào làng Đông Trang có mối liên quan gắn bó tưởng nhớ công đức của vị Tiến sĩ Thụy Hảo tiên sinh Đào Dương Bất tướng công. Ông là thủy tổ dòng họ Đào ở Đông Trang và một số nơi khác mà hậu duệ của ông có rất nhiều người tiếng tăm như các ông: Tiến sĩ Đào Toàn Bản, Trạng nguyên Đào Sư Tích, Huệ quốc công Đào Sĩ Từ...

Nhà thờ họ Đào thôn Đông Trang từ năm 1994 được nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia, hiện thờ 9 vị họ Đào, trong đó có 2 vị làm quan đời Trần là Tướng công Đào Dương Bất và Trạng Nguyên Đào Sư Tích. Cho tới nay dòng họ còn lưu giữ được áo vàng là kỷ vật vua ban rất có giá trị.

2.2. Đóng góp của một số nhân vật ở Ninh Bình trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên

2.2.1. Đào Dương Bất

Theo gia phả họ Đào và các tư liệu di tích địa phương, Đào Dương Bất không chỉ là một nhà khoa bảng thời Trần mà còn là người có vai trò quan trọng trong việc tổ chức nhân dân, chiêu dân lập ấp, bảo vệ vùng đất chiến lược phía Nam kinh đô Trường Yên.

“Vùng Đông Trang nằm ở phía Nam kinh đô Trường Yên, giáp các tuyến thủy đạo quan trọng nối ra sông Hoàng Long và sông Đáy. Đây là khu vực có địa thế “núi non nước biếc”, vừa là phen dậu che chở cho kinh đô, vừa là cửa ngõ giao thông thủy - bộ đi Thanh Hóa và vùng ven biển. Trong kháng chiến chống Mông - Nguyên, vùng này đóng vai trò hậu cứ tiếp tế, luyện binh, cất giấu lương thực và vũ khí cho quân Trần” [20, pp. 105 - 106].

Đào Dương Bất - một tiên sĩ khoa Quý Sửu thời Trần. Theo gia phả họ Đào ở Đông Trang, xã Ninh An, huyện Hoa Lư cho biết: “Năm Ất Dậu 1285. Vâng mệnh vua Trần Nhân Tông đem quân về vùng Văn Lâm - Vũ Lâm (Ninh Hải, Ninh Thắng), lập căn cứ chống giặc. Ông đã chiêu dân lập ấp Đông Trang (nay là xã Ninh An, huyện Hoa Lư) làm phen dậu cho căn cứ. Do lập được nhiều chiến công trong cuộc đánh đuổi Nguyên Mông lần 3, ông lại được tăng phong Lại Bộ Sử đài, được xếp vào bậc Khai quốc công thân, kiêm giữ chức Đông các đại học sĩ.” Và để biết rõ hơn về ông chúng ta cần tìm hiểu về truyền thống họ đào và một số truyền thuyết:

Theo truyền thống họ Đào, trong thời điểm sau cuộc kháng chiến 1285, triều đình giao cho Đào Dương Bất trở về quê hương tổ chức lại đời sống nhân dân, khai hoang phục hóa và lập làng Đông Trang. Ông đã quy tụ dân cư từ các vùng bị tàn phá, lập ra xóm Đông Trang, mở mang nghề nông, nghề thủ công và duy trì hệ thống đê điều, thủy lợi để phục vụ sản xuất và phòng thủ. Hành động đó góp phần quan trọng trong việc ổn định hậu phương, bảo đảm lương thảo cho triều đình và nhân dân vùng Hoa Lư - Trường Yên.

Truyền thuyết địa phương kể rằng, Đào Dương Bất đã huy động trai tráng trong vùng lập nên đội dân binh thủy - bộ, thường xuyên tuần phòng tại các vùng xung quanh căn cứ Đông Trang và các cửa ngõ. Các đội này vừa làm nhiệm vụ vận tải lương thực, vừa cảnh giới, phối hợp với các lực lượng triều đình khi có chiến sự. Dưới sự hướng dẫn của ông, làng Đông Trang trở thành một điểm tựa hậu cần - quân sự nhỏ, hỗ trợ tích cực cho cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ ba (1287–1288).

“Sau khi mất, Đào Dương Bất được nhân dân tôn làm thành hoàng làng Đông Trang, được triều đình ban sắc phong. Di tích Nhà thờ họ Đào hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như sắc phong, câu đối, đại tự và văn bia ghi nhận công đức của ông. Hằng năm, nhân dân trong vùng tổ chức lễ giỗ và lễ hội tưởng niệm Đào Dương Bất, thể hiện sự tôn kính đối với một người có công lớn trong việc dựng làng, lập ấp và giữ yên vùng đất Trường Yên xưa” [21].

Như vậy, theo các truyền thuyết và gia phả ghi lại có thể khẳng định rằng Đào Dương Bất - tầng lớp trí thức, quan trung thành của nhà Trần. Là người có công trong công cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, ông đã được giao nhiệm vụ cố vấn chính trị, kiêm giám sát việc phòng thủ vùng châu thổ sông Hoàng Long - Trường Yên - Ninh Bình (một hậu cứ trọng yếu của nhà Trần). Với kiến thức uyên sâu và tâm huyết biết của mình ông nhìn rõ địa hình vùng đất Ninh Bình, ông đã góp công trong việc xây dựng hệ thống phòng thủ, tổ chức hậu cần và huy động nhân dân địa phương tham gia phục vụ kháng chiến. Ông cũng là người tham mưu chiến lược cho triều đình trong việc lựa chọn vùng Hoa Lư - Vũ Lâm làm Hành cung và căn cứ kháng chiến khi tình hình chiến sự căng thẳng.

Dù các tư liệu chính sử chưa ghi chép cụ thể về Đào Dương Bất, song qua gia phả và di tích hiện tồn, có thể khẳng định ông là một nhân vật lịch sử có thật, gắn bó chặt chẽ với tiến trình phát triển của vùng đất Ninh Bình thời Trần và là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII. “Vai trò của ông không chỉ giới hạn trong phạm vi địa phương, mà còn phản ánh chính sách “trọng dụng hiền tài, gần gũi với nhân dân” của nhà Trần. Việc một vị tiến sĩ triều đình trở về quê hương lập ấp, chiêu dân, tham gia bảo vệ hậu cứ cho thấy sự hòa quyện giữa trí thức và chiến sĩ, giữa văn trị và võ công trong kháng chiến chống Mông - Nguyên. Đào Dương Bất vì thế được xem như biểu tượng của người trí thức yêu nước, vừa có học vấn, vừa gần gũi với nhân dân, góp phần làm nên sức mạnh toàn dân trong thời đại Trần. Công lao và ảnh hưởng của ông vẫn còn được nhân dân Ninh Bình ghi nhớ qua các lễ hội, nhà thờ họ và truyền thống hiếu học của con cháu họ Đào ngày nay” [22, p. 220].

2.2.2. Trương Hán Siêu

Trương Hán Siêu (1275-1354), tự là Thăng Phủ, hiệu là Độn Tẩu (ông già trồn đời), người làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên, nay là thôn Phúc Am, thành phố Ninh Bình. Trương Hán Siêu có tài, thông minh, học giỏi.

Khi Trần Hưng Đạo lui quân về lộ Trường Yên đã lấy ông vào làm môn khách. Ông tham gia cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (năm 1285).

Ở đời vua Trần Nhân Tông (1278-1293), ông tham gia cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287-1288) với cương vị là “thư nhi” - như chức thư ký riêng của Trần Hưng Đạo, không trực tiếp cầm quân chiến đấu, nhưng luôn đi theo Trần Hưng Đạo, soạn thảo các đạo sắc chuyển đến những đoàn quân, tham gia chứng kiến các trận đánh quân Mông - Nguyên ở Tây Kết và sông Bạch Đằng. Trong các trận đánh thắng lợi đó, một phần có công lao của Trương Hán Siêu.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thắng lợi (năm 1288), đất nước hòa bình, Trương Hán Siêu đi nhiều nơi. Theo “Thần tích” ở đền Từ Xá thuộc thôn Từ Xá, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Trương Hán Siêu đã đến thôn Từ Xá một thời gian. Ở đây, thấy thế đất nằm kề bên sông Cừ An, thuận lợi với nghề đánh bắt cá, ông dạy cho dân nghề chài lưới. Dần dần nghề này trở thành nghề sinh sống chính của làng. Từ Xá trở thành làng vạn chài. Hiện nay, ở thôn Từ Xá còn ngôi đền lớn thờ Trương Hán Siêu đã được Nhà nước công nhận là “Di tích lịch sử - văn hóa” cấp Quốc gia từ năm 2001. Cũng sau năm 1288, Quốc công tiết chế Hưng Đạo đại vương đã tiến cử ông vào triều đình (trước năm Trần Hưng Đạo mất 1300).

Từ năm đó đến năm 1308, có thể là một văn thần, triều đình chưa thấy được tài năng của ông, nên chưa bổ dụng, ông đã về quê nghỉ một thời gian. Cũng có thể trong thời gian này ông đi thi và đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ). Dù Trương Hán Siêu đỗ Tiến sĩ hay không đỗ Tiến sĩ, ông vẫn là người tài giỏi.

Đến năm 1308, Vua Trần Anh Tông (1293-1314) cho ông giữ chức Hàn lâm Học sỹ. Hàn lâm viện Học sỹ thuộc hàm cao cấp trong Viện Hàn Lâm, là cấp

phó đứng sau Hàn lâm viện Chương viện Học sĩ, thuộc hàm Chánh Tam phẩm, ngang hàng với Chương viện, làm nhiệm vụ lãnh đạo Viện Hàn lâm, có nhiệm vụ trông coi soạn thảo những chế, chiếu, chỉ, cáo của nhà vua. Ông liền viết bài Tựa trừ Hàn lâm trực Học sĩ biểu dâng vua. Ông chính thức làm quan văn trong triều.

Với kiến thức uyên bác về nhiều mặt, ông tiếp tục đảm nhiệm nhiều công việc hệ trọng của triều Trần, hành khiển (1326) đời vua Trần Minh Tông, môn hạ hữu ty lang trung (1339) đời Vua Trần Hiến Tông, tả ty lang trung kiêm kinh lược xứ Lạng Giang Tông. Tháng 9-1353, quân Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu (tỉnh Thừa Thiên -Huế ngày nay), mặc dù lúc này đã xấp xỉ tuổi 80, nhưng vua Trần Dụ Tông vẫn trọng dụng, sai ông đem quân đi trấn giữ Hóa Châu. Đến tháng 11 năm Giáp Ngọ (1354), khi biên thủy yên ổn, ông trở về triều và tạ thế dọc đường. Thi hài ông được an táng tại thôn Phúc Am. Đền thờ ông cũng được xây dựng gần lăng mộ (nay thuộc địa phận phường Vân Giang). Lăng mộ và đền thờ ông đã bị Pháp san bằng năm 1953, hiện chỉ còn lưu giữ được bia mộ. Vua Trần Dụ Tông truy phong cho ông chức Thái Bảo. Chín năm sau, nhà vua tiếp tục truy phong cho ông chức Thái phó. Năm 1372, Vua Trần Nghệ Tông tòng tự ông ở Văn Miếu (Hà Nội) sánh ngang với Chu Văn An và các bậc tiên nho xuất chúng (đời Trần chỉ có Chu Văn An và Trương Hán Siêu được thờ trong Văn Miếu). Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), Trương Hán siêu được phụng thờ ở miếu Lịch Đại Đế Vương (miếu chỉ để thờ vương các đời, trong đó có phụ thờ những bậc khai quốc công thần có công với nước ở kinh đô Huế).

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên nhà Trần Trương Hán Siêu là người phụ tá, tham mưu trong bộ chỉ huy Trần Hưng Đạo. Theo ghi chép trong Đại Việt sử ký toàn thư và Khâm định Việt sử Thông giám cương mục, Trương Hán Siêu từng ở trong phủ Trần Hưng Đạo, cùng bàn việc nước và soạn thảo văn thư quân sự. Không chỉ vậy ông được xem là trí thức - chiến lược gia trẻ, giúp Trần Hưng Đạo hoạch định kế sách, chuẩn bị hậu cần và củng cố tinh thần quân dân trước và sau các trận chiến lớn. Tuy ông không phải là tướng cầm quân trực tiếp, nhưng đóng vai trò cố vấn trí thức, tương tự các

“mưu sĩ” trong bộ tham mưu, góp phần quan trọng vào chiến thắng Bạch Đằng (1288).

Một người tài ba kiến thức uyên sâu bởi vậy mà Trương Hán Siêu còn Góp phần củng cố hậu cứ Trường Yên - Thiên Trường. Là người gốc Ninh Bình, ông hiểu địa thế vùng Trường Yên - Hoa Lư - Thiên Trường (Nam Định), nơi được xem là “hậu phương chiến lược” của nhà Trần. Ông tham gia tổ chức nhân dân, điều phối lương thực, và hỗ trợ việc lập kho, đóng thuyền ở các bến Phúc Thành (Non Nước) - vùng trọng yếu phục vụ vận tải quân nhu. Nhờ những nỗ lực này, hậu cần kháng chiến được đảm bảo, góp phần giữ vững lực lượng cho nhà Trần trong suốt ba cuộc chiến.

Là người khích lệ tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc. Trong thời chiến và cả sau đó, Trương Hán Siêu có vai trò lớn trong việc truyền bá tư tưởng “trung quân ái quốc”, khích lệ lòng tin vào chính nghĩa và sức mạnh dân tộc. Sau chiến thắng, ông đã sáng tác nhiều tác phẩm thể hiện tinh thần tự hào dân tộc - tiêu biểu là “Bạch Đằng giang phú”, ca ngợi chiến công của cha ông, khẳng định ý chí độc lập và khát vọng hòa bình của Đại Việt. Tác phẩm này được xem như bản tổng kết tinh thần kháng chiến chống Mông - Nguyên, mang giá trị tư tưởng và lịch sử to lớn.

Dù không trực tiếp cầm quân, Trương Hán Siêu là hình ảnh tiêu biểu của tầng lớp trí thức thời Trần, vừa phò vua giúp nước, vừa góp phần hình thành “ý thức dân tộc” sau chiến tranh. Ông đại diện cho trí tuệ, đạo đức và văn hóa thời Trần, là cầu nối giữa thực tiễn kháng chiến và tư tưởng văn hóa Đại Việt độc lập, tự cường.

Trương Hán Siêu được ngợi ca là người con ưu tú của Ninh Bình, ông cũng là một trong những nhân tài xuất chúng của thời Trần - một người với kiến thức uyên thâm về nhiều mặt. Ông là một nhà văn hóa, chính trị, quân sự, ngoại giao tài ba của triều Trần. Bên cạnh đó, Trương Hán Siêu còn để lại cho nhân dân Ninh Bình nói riêng nhân dân cả nước và văn học Việt Nam nói chung những kiệt tác văn thơ như bài Thơ Dục Thúy Sơn linh tế tháp ký, một số bài thơ về

hoa cúc, đặc biệt là bài Bạch Đằng Giang phú đã khía quát những chiến công chống quân Mông - Nguyên đầy hiển hách của Trần Hưng Đạo.

Trương Hán Siêu là danh nhân lỗi lạc của triều Trần. Khi ông mất (1354), lăng mộ và đền thờ đều được xây dựng tại quê nhà là thôn Phúc Am (nay thuộc phường Vân Giang, gần sát Quốc lộ 1A). Trải qua nhiều thế kỷ, lăng mộ và đền thờ ông đã được tu sửa nhiều lần. Khi thực dân Pháp chiếm đóng thị xã, đền và lăng mộ bị san bằng (1953). Để thể hiện lòng tự hào và tôn kính đối với ông, năm 1998, Đảng bộ và nhân dân thị xã Ninh Bình đã tiến hành xây dựng lại đền thờ Trương Hán Siêu ở phía Tây chân núi Non Nước. Đền có kiến trúc theo kiểu cổ, tuy nhỏ nhưng uy nghi. Trước đền có bức đại tự “Trương Công như tại”, mặt tiền của đền giữa hai tầng mái có tấm đại tự “Trương Thăng phủ từ” (lấy tên chữ của Trương Hán Siêu đặt tên cho đền). Trong hậu cung có hương án để bài vị của Trương Hán Siêu.

2.2.3. Trần Ngọc Một

Trần Ngọc Một hay còn gọi là Bà chúa Nhất, tên thật của bà là Hoàng Chu Linh, sau khi cải tạo họ Trần để danh chính ngôn thuận trở thành thứ phi của vua thứ nhất nhà Trần - Trần Thái Tông, ban hiệu Huệ Túc phu nhân (do để đảm bảo nguyên tắc không lấy người ngoại tộc của nhà Trần). Tuy nhiên, bà không sinh người con nào.

“Bà có xuất thân là con gái út của một vị Tổng triều di thần tên Hoàng Bính, viên quan bản thổ ở Tư Minh thuộc phủ Thái Bình, Quảng Tây rất giỏi tử vi, chiêm tinh. Vào năm Niên hiệu Bảo Hựu thứ năm của nhà Tống, sau khi An phủ sứ châu Tư Minh về triều cùng chư đại thần chúc tết Bảo Hựu hoàng đế, chiêm nghiệm về các số Tử vi của các thân vương, đại thần và hậu cung, lại quan sát về luận giả Thiên văn, ông đem gia đình vượt biên sang Đại Việt xin cư ngụ và được chấp thuận [23]. Huệ Túc Phu Nhân là một nhân vật đóng góp công không nhỏ trong rất nhiều sự việc quan trọng thời nhà Trần và trực tiếp dạy kiến thức về tử vi, chiêm tinh cho thái tử, hoàng tử, các vương gia triều Trần. Bà từng đánh cuộc tử vi thắng thái sư Trần Thủ Độ, từng giúp củng cố tinh thần kháng Nguyên và giúp Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đảm nhiệm chức vụ Quốc

Công Tiết Chế, và cũng từng xem số mệnh cho rất nhiều tướng lĩnh con em nhà Trần, bà còn có tên là Thủy Thiên - tên của nhà Thánh thường không nên mạo muội nói thẳng ra” [24].

Huệ Túc phu nhân cũng đã xem lá số của Trần Quốc Tuấn là người thông tuệ, tấm lòng sáng tỏ như đôi vàng nhật nguyệt, tuyệt đối không thể làm phản nên hết lòng tiến cử Quốc Tuấn và nhà vua đã tin tưởng nghe theo lời bà mặc cho có lời bàn tán. Nhờ đó, Trần Quốc Tuấn được cất nhắc làm Tiết chế, Tổng chỉ huy quân đội ngay từ lần chống quân Mông Cổ thứ nhất. Cuộc chiến chống quân Mông Cổ lần thứ 2, khi 50 vạn quân Nguyên tiến sang, phía nam Toa Đô dẫn 20 vạn quân đánh ngược lên, người giữ thành Nghệ An là Trần Kiện cùng toàn bộ gia quyến đã đưa toàn quân đầu hàng giặc. Quân giặc từ 2 hướng Bắc - Nam như 2 gọng kìm siết chặt, Đại Việt rồi bời.

Lúc này, nhiều người nói với Trần Quốc Tuấn rằng đây là cơ hội tốt nhất để trả thù cho cha. Thế nhưng Trần Quốc Tuấn bỏ ngoài tai, kể cả những lời nhắc nhở của con trai và người thân khác về thù nhà. Ông dốc lòng đem tài thao lược của mình với kế sách “Vườn không nhà trống”, “dùng đoản binh phá trường trận”, từng bước lấy lại thế trận đánh bại 50 vạn đại quân Mông - Nguyên, giữ vững giang sơn xã tắc nước Đại Việt.

Bà chúa Nhất - chủ về tử vi, chiêm tinh thiên văn mang tính khoa học và lý luận diễn giải. Sau khi thánh hoàng Trần Thái Tông mất, bà về lầu riêng khuê các được dựng gần chùa A Nậu thuộc thôn Đái Nhân và mất tại đây. Bà khởi viết cuốn “*Đông A ký sự*” bắt đầu ghi chép lại lịch sử nhà Trần trong suốt 1 thời kỳ dài. Trải qua quá trình lịch sử, chiến tranh, lầu thờ bà bị phá hủy, bát hương và các đồ tế khí hiện được đưa về thờ chung tại chùa A Nậu ngay cạnh đó. Động đá thờ bà sau lâu được tu sửa lại nhưng nhìn chung vẫn giữ được nét cổ xưa. Trên động có phối thờ vị tướng quân trước đi theo phò tá bà. Năm Khải Định, bà được sắc phong và tạc bia đá ghi dấu điển tích và ca ngợi công đức của Bà. Cảnh non nước hữu tình bao quanh động và lầu xưa kia rất tiếc là không còn nữa, hiện tại nếu ai đến lễ bà chỉ có thể lễ tại cung thờ Trần Triều chùa A Nậu và lên động ngay gần đó. Mặc dù chỉ còn rất hiếm người còn hầu bà nữa (dòng

đồng nhà cụ Côi- Túc- Cao Bằng). Các dòng đồng bói, tứ vị, tướng số thường hầu và thỉnh bà rất nhiều, có thể nói chính xác hơn là những vị chúa cô chúng ta không được tùy tiện hầu nếu như chưa được gia ân và xin phép được rước bóng hầu bà. Lý do cũng đơn giản bởi “một số vị như Nam Thiên Thánh tổ Tản Viên hay Long đở cô thân Đại vương hay Thánh Gióng và Chử Đạo tổ, nhị vị Trưng nữ cô Thần vương hoặc các vị danh thần quốc vương hay một số vị khác.... lại không nhận bảo trợ và ứng bóng và các con không được hầu...

2.2.4. Ngự Câu vương

Theo “Nam sử tiền biên” và “Thái Vi ngọc phả”, vào năm 1285 quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ 2, trước sức tấn công của quân địch, Trần Thánh Tông đã cho triều đình và ba quân tướng sĩ rút về căn cứ tại Trường Yên ở Ninh Bình để đánh đuổi giặc. Hoàng tử Ngự Câu vương vâng lệnh đem quân về trấn giữ khu Mã Lăng (nay thuộc khu vực chùa Dầu, Khánh Hòa). Hoàng tử đã cho xây dựng đồn lũy khá kiên cố ở đây. Hoàng tử Ngự Câu vương là một thành viên của hoàng thất nhà Trần, ông là người trực tiếp tham gia vào cuộc chiến bảo vệ đất nước đánh đuổi quân Mông - Nguyên xâm lược.

Khu vực Mã Lăng nằm ở vị trí chiến lược, được xem là cửa ngõ bảo vệ vùng trung du Bắc Bộ và là tuyến phòng thủ trọng yếu của Ninh Bình, đây là một địa bàn có vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa đồng bằng và miền núi. Để thực hiện nhiệm vụ trấn giữ nơi này cần đòi hỏi một người lãnh đạo am hiểu địa hình và có khả năng tổ chức cũng như điều khiển tướng, thiết lập phòng ngự hiệu quả. Hoàng tử Ngự Câu vương đã thể hiện bản lĩnh của một người lãnh đạo khi đã bố trí lực lượng chặt chẽ và kết hợp giữa quân triều đình và lực lượng quân dân địa phương, xây dựng nơi này thành một phòng tuyến vững chắc chống lại các cuộc tấn công từ bên ngoài. Hoàng tử lấy địa thế khu Thuần Dầu, Mã Lăng (gần chùa Dầu hiện nay) làm nơi đóng bản doanh, chiêu tập hiền tài, tuyển lựa sĩ tốt, củng cố đồn lũy, tích tụ lương thảo, rèn luyện thủy bộ để bảo vệ mặt Đông Nam căn cứ địa Thái Vi, nơi vua cùng cả triều đình trấn giữ. Hiện nay quanh khu chùa Dầu vẫn còn một số di tích, địa danh như: Mã Lăng, gò thuyền Rồng, gò Mã Mã (nơi chôn cất, trao đổi ngựa), gò Rừng Bò, khu vườn

Giáo... Sự hiện diện của hoàng tử Ngự Câu vương đã góp phần ổn định tình hình quân sự ở khu vực này, hoàng tử đã củng cố niềm tin của nhân dân vào triều đình và chính nghĩa kháng chiến.

“Hoàng tử Ngự Câu vương sau khi đại thắng quân Mông - Nguyên thì xin cha cho ở lại tu hành cùng chị. Nhà vua còn cấp cho hai chị em Huyền Tư công chúa và hoàng tử Ngự Câu vương 173 mẫu ruộng làm tự điền, tu sửa lại con đường từ chùa Dầu vào chùa phủ theo hình rồng uốn khúc, tu sửa từ đường, tứ thời bát tiết phụng sự khói nhang” [25].

Hoàng tử đã cùng với các tướng lĩnh cũng như binh sĩ đã góp phần duy trì nền độc lập, và bảo vệ lãnh thổ, là tấm gương sáng cho hậu thế về làm trung thành và tận tụy với đất nước. Đặc biệt, sự kiện công chúa Huyền Tư xuất gia tại chùa Dầu, đã chứng tỏ mối liên hệ mật thiết trong giới quý tộc thời Trần và công của kháng chiến, thể hiện sự đồng lòng và chung sức của mọi tầng lớp trong xã hội để bảo vệ đất nước. Sau khi đánh đuổi được quân Mông - Nguyên, hoàng tử Ngự Câu Vương đã xin cha ở lại cùng Huyền Tư công chúa để tu hành. Từ đó, hai chị em đêm ngày kinh kệ, tu sửa Thiền môn, tính đến nay đã hơn 700 năm, chùa Dầu trở thành trung tâm Phật giáo Trúc Lâm khắp vùng Yên Khánh - Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Vào những năm thập niên 80 của thế kỉ XX, khi đào đất xây dựng công trình công cộng, nhân dân đã phát hiện được nền móng khu chùa Dầu và bản doanh của Hoàng tử Ngự Câu vương.

2.2.5. Huyền Tư

Theo “*Nam sử tiền biên và Thái Vi ngọc phả*” thì khi quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ hai năm 1285, trước sức mạnh hùng hậu của giặc, triều đình dưới sự chỉ huy của vua Trần Nhân Tông đã tạm rời bỏ Kinh thành Thăng Long để tránh cái thế mạnh ban đầu của chúng. Nhà vua xuống chiếu dời đô về căn cứ địa Trường Yên thuộc phủ Trường Yên (nay là các xã Ninh Hải, Ninh Thắng, Ninh Vân, Ninh An huyện Hoa Lư) để lập căn cứ chống giặc cứu nước. Lúc đó, Hoàng tử Ngự Câu vương được lệnh của triều đình đem quân về trấn giữ miền duyên hải phía Nam căn cứ địa. Hoàng tử lấy địa thế khu Mả Lãng cạnh chùa Dầu làm nơi đóng bản doanh, chiêu tập hiền tài, tuyển lựa sĩ tốt, củng

cổ đồn lũy, tích tụ lương thảo, rèn luyện thủy bộ để bảo vệ mặt Đông Nam căn cứ địa Thái Vi, nơi cung vua cùng cả triều đình đóng giữ. Lần theo lịch sử, được biết: Sau chiến thắng giặc Nguyên - Mông lần thứ 2 (1285) đến năm 1287, công chúa Huyền Tư được lệnh triều đình xuống căn cứ Thuận Đầu để ủy lạo quân sĩ và thăm em trai. Khi xuống đây, Huyền Tư công chúa thấy có một ngôi chùa Linh Nha tự tuy nhỏ bé nhưng cổ kính, cảnh quan cây cối xanh tươi, hòa khí thịnh vượng, lại gần kề chỗ quân doanh của Hoàng tử em mình. Huyền Tư công chúa cho là nơi hợp với việc tu hành nên xin phép vua cha về Linh Nha tự quy y Phật đạo. Vốn là người sùng Phật nên nhà vua đã đồng ý và còn cho công chúa đem theo hai ông Thái học sinh là Tống Văn Triều (tự Huệ Nhân), Tạ Như Thủy (tự Phúc Độ), một cung phi là Nguyễn Thị Tú, một nội các viên là ông coi vườn Ngự uyển, giữ chức Thái giám, một bà nhũ mẫu Phạm Thị Vinh đi theo. Được vua cha chuẩn y, Huyền Tư công chúa đã về Linh Nha tự xuống tóc quy y.

Huyền Tư công chúa không chỉ đến với vai trò là chị gái của một vị tướng, mà còn là người đại diện cho triều đình. Sự xuất hiện của công chúa đã tiếp thêm niềm tin cũng như sức mạnh cho quân sĩ, giúp họ thấy rõ rằng họ không đơn độc trong cuộc chiến. Dù không trực tiếp tham gia chỉ huy hay tổ chức quân đội vậy công chúa vẫn có những đóng góp cho công cuộc kháng chiến, đối với ở phương diện hậu cần, sau cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên vua cha Trần Thánh Tông đã cấp cho công chúa Huyền Tư 173 mẫu ruộng để làm tư điền hương hỏa cho chùa Dầu tại xã Khánh Hòa, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nguồn thực phẩm từ những mẫu ruộng đó đã góp phần giúp đỡ những người lính trong thời kỳ kháng chiến và sau giai đoạn đó, khi đất nước còn đang trong quá trình khôi phục lại nền sản xuất. Số đất đấy không chỉ phục vụ cho hoạt động tôn giáo của chùa mà còn trở thành nguồn lực vật chất đáng kể cho các căn cứ kháng chiến.

2.3. Khát quát chung và đánh giá về vùng đất, con người Ninh Bình

Khái quát chung

Thế kỷ XIII, Đại Việt dưới triều nhà Trần (1225 – 1400) đã ba lần anh dũng kháng chiến chống lại đội quân xâm lược Mông - Nguyên hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ (1258, 1285 và 1287 – 1288). Trong bối cảnh đó, vùng đất Ninh Bình, nằm ở vị trí cửa ngõ cực nam đồng bằng Bắc Bộ, giữ vai trò trọng

yếu về quân sự, giao thông và hậu cần, là một trong những căn cứ vững chắc của triều đình Trần trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Ninh Bình nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa đồng bằng và trung du, có hệ thống núi đá vôi, hang động và sông ngòi dày đặc như: núi Non Nước, Tràng An, Hoa Lư, sông Vân, sông Đáy, sông Hoàng Long. Đây là vùng “sơn thủy hữu tình”, vừa thuận lợi cho ẩn náu, vừa có thể tổ chức đánh du kích và xây dựng hậu cứ kháng chiến. Theo địa danh của tỉnh Ninh Bình (cũ) Phía Bắc giáp Hà Nam, phía Đông giáp Nam Định, phía Tây giáp Hòa Bình và Thanh Hóa - là nơi có thể dễ dàng liên lạc với Thiên Trường (Nam Định) - kinh đô thứ hai của nhà Trần, hoặc rút quân về Thanh Hóa khi cần thiết. Vì vậy, Ninh Bình được xem như một vùng đệm chiến lược, vừa là tuyến phòng ngự, vừa là căn cứ tiếp tế cho quân Trần.

Nhiều căn cứ kháng chiến, kho lương, và trạm quân lương được thiết lập tại vùng núi Tràng An - Hoa Lư, nơi từng là kinh đô của nhà Đinh - Tiền Lê. Các dòng họ lớn ở Ninh Bình như họ Trương (ở Hoa Lư, Nho Quan), họ Đào (ở Ninh An) đã cung cấp nhân lực, vật lực cho triều đình. Nhiều vùng như Gia Viễn, Yên Mô, Kim Sơn trở thành địa bàn tập kết quân, che chở cho quân Trần rút lui và phản công. Sau kháng chiến, nhiều di tích như núi Non Nước, đền Trương Hán Siêu, đền Thái Vi,... đã trở thành biểu tượng của lòng trung nghĩa, yêu nước và tinh thần gắn kết cộng đồng. Người dân Ninh Bình gìn giữ truyền thống đó qua lễ hội đền Thái Vi, lễ hội Trương Hán Siêu,... thể hiện sự tri ân các anh hùng dân tộc. Vùng đất Ninh Bình trong thế kỷ XIII không chỉ là địa bàn chiến lược của triều Trần, mà còn là nơi thể hiện sức mạnh đoàn kết của nhân dân Đại Việt trong kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Những đóng góp của Ninh Bình - cả về vật chất, nhân lực và tinh thần - đã góp phần làm nên ba lần đại thắng lẫy lừng trong lịch sử dân tộc. Ngày nay, việc nghiên cứu vai trò của Ninh Bình trong kháng chiến không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang ý nghĩa bảo tồn và phát huy truyền thống yêu nước của địa phương.

Đánh giá về vùng đất, con người

Với địa hình đặc trưng gồm núi đá vôi, hang động, sông ngòi, đồng ruộng và vùng ven biển, Ninh Bình sở hữu một thể đất vừa hùng vĩ, vừa hiểm yếu – rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ quân sự.

Trong thời Trần, vùng núi Tràng An – Hoa Lư – Vũ Lâm trở thành nơi rút lui và tập hợp lực lượng của triều đình sau những đợt kháng chiến gay go. Hành cung Vũ Lâm, được xây dựng sâu trong vùng núi đá vôi, là một pháo đài tự nhiên được bao bọc bởi sông suối, rừng núi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phòng thủ, che giấu lực lượng và tổ chức phản công. Đây chính là trung tâm chỉ huy bí mật của triều Trần sau cuộc rút lui chiến lược năm 1285.

Ngoài ra, các địa danh như mả Lãng, núi Non Nước, Tù Hối, Ninh An đều là những nơi có vai trò quân sự hoặc hậu cần quan trọng. Chẳng hạn, Non Nước Ninh Bình là điểm quan sát và bảo vệ cửa ngõ phía Nam kinh thành Thăng Long; Tù Hối và Ninh An là nơi dân chúng tổ chức tiếp tế, cất giấu lương thực, vũ khí cho quân đội. Những địa danh ấy minh chứng cho sự gắn bó máu thịt giữa địa thế thiên nhiên và sức mạnh con người Ninh Bình trong công cuộc bảo vệ đất nước.

Thiên nhiên không chỉ ban tặng cho vùng đất Ninh Bình này vị trí chiến lược, mà Ninh Bình còn được biết đến bởi con người – đây lại là yếu tố làm nên linh hồn của mảnh đất. Trong kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, nhiều nhân vật lịch sử nổi bật đã thể hiện tinh thần yêu nước, mưu lược và cống hiến to lớn cho dân tộc.

Trần Ngọc Một, bà chúa Nhất người có tài xem bói và cũng là người lập ấp, giúp nhân dân nhận thức được về đạo Phật và có những công lao trong công cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên của nhà Trần vào thế kỉ XIII.

Trương Hán Siêu, người con ưu tú của Ninh Bình, không chỉ là học trò của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mà còn là một nhà văn hóa, nhà quân sự lỗi lạc. Ông tham gia các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên, sau đó cống hiến trọn đời cho việc xây dựng đất nước. Nhờ có sự chỉ đạo, tham mưu chiến lược góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Tác

phẩm Bạch Đằng giang phú của ông là áng văn bất hủ, thể hiện niềm tự hào sâu sắc về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.

Đào Dương Bật, Huyền Tư, và Ngự Câu Vương là những nhân vật ít được biết đến trong chính sử nhưng lại gắn liền với truyền thuyết và ký ức dân gian Ninh Bình. Họ là những người chỉ huy, cố vấn, nhà sư hay tướng lĩnh địa phương, đã có công giúp vua Trần Nhân Tông trong thời gian trú ẩn ở Hành cung Vũ Lâm, vừa tu hành vừa chuẩn bị cho kháng chiến. Những đóng góp âm thầm của họ phản ánh truyền thống “vì nước quên thân” của người dân nơi đây.

Không chỉ các tướng lĩnh, mà toàn thể nhân dân Ninh Bình đều góp phần quan trọng trong cuộc kháng chiến. Họ đào hào, vận chuyển lương thực, giấu quân, che giấu vua và tướng sĩ, biến những ngọn núi, con sông thành thành trì kiên cố.

Các làng xã quanh Vũ Lâm, Hoa Lư, Ninh An trở thành hậu phương vững chắc – nơi cung cấp nhân lực, vật lực và tin tức cho triều đình. Dân làng còn sáng tạo nhiều cách đánh du kích, sử dụng địa hình hang động để đánh lạc hướng kẻ thù, làm hao mòn sức mạnh của quân Mông – Nguyên.

Tinh thần đoàn kết ấy đã tạo nên một tuyến phòng thủ vững chắc, bảo vệ an toàn cho vua Trần và triều đình, đồng thời tạo điều kiện để đại quân phản công giành thắng lợi trong những trận quyết chiến chiến lược sau này.

2.4. Phát huy giá trị các di tích ở Ninh Bình liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mông -Nguyên.

Việc phát huy giá trị các di tích thời Trần tại Ninh Bình - đặc biệt là những địa điểm gắn liền với cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên, không chỉ góp phần bảo tồn di sản lịch sử, mà còn thúc đẩy giáo dục truyền thống yêu nước, phát triển du lịch văn hóa bền vững. Để đạt được mục tiêu đó, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Giải pháp thứ nhất: Tăng cường quản lý nhà nước và tạo môi trường thuận lợi cho việc phát huy, bảo tồn di tích thời Trần.

Công tác quản lý di tích cần được thực hiện chặt chẽ, có quy hoạch và cơ chế phối hợp hiệu quả.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích, đảm bảo giữ nguyên tính chân xác, giá trị lịch sử và cảnh quan văn hóa.

Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý di tích; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bảo tồn, phát huy di sản.

Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, khai thác, phát huy giá trị di tích.

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; đồng thời lồng ghép nội dung này vào các quy hoạch phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của địa phương.

Giải pháp thứ hai: Tuyên truyền và giáo dục ý thức bảo vệ các di tích lịch sử thời Trần tại Ninh Bình.

Công tác tuyên truyền, giáo dục cần được triển khai rộng rãi, thường xuyên và có chiều sâu.

Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa tại trường học, cơ quan, tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao nhận thức về giá trị và ý nghĩa của các di tích thời Trần.

Đưa nội dung về di tích, chiến công và văn hóa thời Trần vào chương trình giáo dục lịch sử địa phương, giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống quê hương.

Phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài, truyền hình, mạng xã hội) trong việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh, giá trị và ý thức bảo vệ các di tích lịch sử.

Giải pháp thứ ba: Nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị di sản văn hóa của các di tích liên quan đến thời Trần trong phát triển du lịch.

Nhận thức đúng đắn của cộng đồng địa phương là yếu tố then chốt trong công tác bảo tồn và khai thác di tích.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tọa đàm, hội thảo về giá trị lịch sử - văn hóa của các di tích thời Trần, đặc biệt là Hành cung Vũ Lâm – trung tâm quân sự và tôn giáo quan trọng thời Trần.

Xây dựng phong trào “Người dân là chủ thể bảo tồn di sản”, khơi dậy lòng tự hào và tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong gìn giữ, phát huy giá trị di tích.

Lồng ghép việc bảo tồn di tích với phát triển du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm gắn với giáo dục truyền thống.

Giải pháp thứ tư: Ứng dụng công nghệ trong việc phục vụ phát triển di tích lịch sử thời Trần.

Việc ứng dụng công nghệ hiện đại là xu hướng tất yếu trong quản lý và quảng bá di sản văn hóa.

Xây dựng các trang web, cổng thông tin điện tử, video tư liệu và phim tài liệu giới thiệu về các di tích thời Trần để lan tỏa hình ảnh Ninh Bình đến du khách trong và ngoài nước.

Lắp đặt mã QR, hệ thống thuyết minh tự động và các bảng thông tin điện tử tại các điểm di tích, giúp khách tham quan dễ dàng tra cứu thông tin.

Ứng dụng công nghệ số, công nghệ 3D và thực tế ảo (VR) trong tái hiện bối cảnh lịch sử, các trận chiến chống Mông - Nguyên, cũng như phục dựng kiến trúc thời Trần, tạo trải nghiệm sinh động và trực quan cho du khách.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 đã tập trung nói về những đóng góp của vùng đất Ninh Bình trong kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII. Chúng tôi đã làm rõ vị trí, vai trò của một số hậu cứ kháng chiến ở Ninh Bình như: Đông Trang, Tùy Hối, núi Non Nước,...từ đó nêu ra được ý nghĩa và mối quan hệ giữa các cơ sở với Hành cung Vũ Lâm. Không chỉ nói về các cơ sở hậu cứ mà vùng đất Ninh Bình thời ấy còn có rất nhiều nhân vật đã đóng góp trong kháng chiến đó là Trương Hán Siêu, Đào Dương Bất, Trần Ngọc Một...

Từ những khái quát trên chúng tôi đã đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy giá trị các di tích tại Ninh Bình như Hành cung Vũ Lâm, đền Thái Vi, Đông Trang... Đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo cho một số sinh viên ngành lịch sử và những người có yêu thích với bộ môn lịch sử.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII là một trong những trận chiến chói lọi đi vào trang sử của dân tộc Việt Nam, trận chiến đã khẳng định trí tuệ và bản lĩnh của nhà Trần cùng với tinh thần đoàn kết quyết tâm đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Cùng với chiến thắng hào hùng ấy nhân dân Ninh Bình cũng đã góp không ít công sức vào thắng lợi chung. Ninh Bình - một vùng đất “địa linh nhân kiệt” là căn cứ trọng yếu của nhà Trần, góp phần quyết định vào thành công của cuộc kháng chiến.

Trước hết, về vị trí chiến lược vùng đất Ninh Bình là cửa ngõ nối liền giữa Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, tại đây là nơi có núi, có sông, lại gần biển. Tất cả đã tạo nên một Ninh Bình với căn cứ địa đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII. Tại vùng đất này vào thời nhà Trần đã có những căn cứ giúp bảo vệ hệ thống Hành cung Vũ Lâm nơi trọng yếu của đất nước đó là căn cứ Đông Trang (Ninh An), căn cứ Tùy Hối (Gia Viễn), núi Non Nước... Những cơ sở kháng chiến trên đã giúp nhà Trần thắng lợi trong công cuộc bảo vệ đất nước trước quân xâm lược Mông - Nguyên thế kỉ XIII.

Và không thể thiếu khi nhắc tới đóng góp của Ninh Bình trong công cuộc đánh đuổi quân Mông - Nguyên của nhà Trần đó là những nhân vật tiêu biểu: Trương Hán Siêu, Trần Ngọc Một, Đào Dương Bất...những nhân vật ấy đã có công trong việc chỉ huy, xây dựng căn cứ bảo vệ trung tâm đầu não chính là Hành cung Vũ Lâm. Để làm được như vậy tất cả họ đều phải có tầm nhìn xa, trông rộng, lòng yêu nước, một lòng trung thành...

Như vậy, vai trò của Ninh Bình thời Trần rất quan trọng. Ninh Bình không chỉ là “phên dậu phía Nam” của kinh thành Thăng Long mà còn được coi là trung tâm giúp phòng thủ góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc. Nơi đây còn là nơi hội tụ và phát triển không gian văn hóa đặc sắc gắn liền với Phật giáo. Hiện nay, tại Ninh Bình vẫn còn lại các di tích gắn với thời Trần như Hành cung Vũ Lâm, đền Thái Vi... là minh chứng rõ nét khẳng định vị thế của Ninh Bình trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

2. Kiến nghị

Về công tác bảo tồn di sản:

Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, tu bổ và trùng tu các di tích lịch sử triều Trần tại Ninh Bình, đặc biệt là những di tích gắn liền với cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên. Quá trình tu sửa phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa, đảm bảo giữ nguyên yếu tố gốc, tính chân xác lịch sử, giá trị kiến trúc và cảnh quan của di tích. Đồng thời, cần có cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng trùng tu thường xuyên nhằm ngăn ngừa các hiện tượng xâm hại hoặc làm biến dạng di tích.

Về giáo dục truyền thống lịch sử địa phương:

Tăng cường lồng ghép nội dung lịch sử địa phương – đặc biệt là thời Trần và các di tích tại Ninh Bình – vào chương trình giáo dục ở các cấp học. Cần đổi mới phương pháp dạy và học lịch sử theo hướng trực quan, sinh động, gắn với thực tế; tổ chức các hoạt động học tập ngoại khóa, tham quan thực địa tại các di tích, giúp học sinh hiểu sâu, nhớ lâu và hình thành lòng tự hào dân tộc. Bên cạnh đó, khuyến khích các cơ sở giáo dục, đoàn thể, tổ chức thanh niên đẩy mạnh các hình thức truyền thông, diễn đàn lịch sử, cuộc thi tìm hiểu di sản nhằm lan tỏa giá trị lịch sử và nhân văn sâu sắc trong cộng đồng.

Về phát triển du lịch văn hóa – lịch sử:

Phát triển du lịch văn hóa – lịch sử gắn với di tích thời Trần cần được coi là hướng đi quan trọng trong phát triển bền vững của Ninh Bình. Cần xây dựng các sản phẩm du lịch chuyên đề như “Hành trình về đất Trần”, “Dấu ấn kháng chiến chống Mông - Nguyên”, kết hợp trải nghiệm văn hóa, tín ngưỡng, và ẩm thực địa phương. Song song, cần đẩy mạnh công tác quảng bá, truyền thông để thu hút du khách, đặc biệt là giới trẻ, qua đó khơi dậy niềm hứng thú tìm hiểu lịch sử dân tộc, đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của quê hương Ninh Bình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. PGS.TS Vũ Văn Quân (2022), Vương triều Trần (1226 - 1400), Nxb Hà Nội.
2. Đinh Văn Viễn, Lịch sử địa phương.
3. Cục thống kê Ninh Bình (12 – 2005), Ninh Bình 50 năm xây dựng và phát triển 1955-2004.
4. Cục thống kê Ninh Bình (2011), Niên giám thống kê Ninh Bình 2010, Nxb Thống kê.
5. Địa chí Ninh Bình.
6. Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê (1985), Đại Việt sử ký toàn thư, in lần hai tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2004.
7. Phan Huy Lê (1990), Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, Nxb Giáo dục.
8. Trương Đình Tường (2004), Địa chí văn hóa dân gian tỉnh Ninh Bình, Nxb Thế giới.
9. Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê (1993), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Bản dịch Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Viện sử học Việt Nam (2017), Lịch sử Việt Nam – Tập II, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
11. Nguyễn Khắc Thuần (2003), Các triều đại Việt Nam, Nxb Giáo dục.
12. . Trần Quốc Vượng (1994), Lịch sử văn hóa Ninh Bình, Nxb Khoa học Xã hội.
13. Lịch sử Hành cung Vũ Lâm tập I.
14. Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Bản dịch Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Trần Quốc Vượng (1994), Lịch sử văn hóa Ninh Bình, Nxb Khoa học Xã hội.
16. Viện sử học Việt Nam (2005), Đại Việt Sử Ký toàn thư, Nxb Khoa học Xã hội.

17. Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2013), Tạp chí nghiên cứu lịch sử.
18. Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2013), Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 2.
19. Địa chí Ninh Bình (2010), Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
20. Địa chí Ninh Bình.
21. Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình 2022.
22. Địa chí Văn hóa tập II.
23. Đông A dựng cơ binh mông của Xen từ cư sỹ và Khâm định Việt sử thông giám cương mục.
24. Đông A di sự" trích dịch bài Huệ Túc Phu Nhân Liệt Truyện trong phần thứ nhất.
25. Chùa Dầu lịch sử và và di sản văn bia, sắc phong.
26. Đào Duy Anh (1958), Lịch sử Việt Nam, Quyển thượng, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
27. Đào Duy Anh (1962), Tài liệu về cuộc kháng chiến của nhà Trần đã ngăn chặn sự bành trướng của Mông Cổ xuống Đông Nam Á, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 42, tr.16-20.
28. Nguyễn Lương Bích (2012), Việt Nam ba lần đánh Nguyên toàn thắng, Nxb QĐND, Hà Nội.
29. Nguyễn Thị Phương Chi (2002), Thái ấp điền trang thời Trần (Thế kỷ XIII -XIV), Nxb KHXH, Hà Nội.
30. Phan Huy Lê (1962), Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Phan Huy Lê - Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn - Lương Ninh (1985), Lịch sử Việt Nam, Tập 1, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
32. Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê (1985), Đại Việt sử kí toàn thư, tập 1, Bản dịch Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Phạm Ngọc Phụng (1963), Tìm hiểu chiến lược chiến thuật thời Trần Lê, Hà Nội.

34. Nguyễn Vinh Phúc (1973), Trần Khát Chân (?-1399), trong Danh nhân Hà Nội, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản.
35. Lê Tắc (1960), thời Trần, An Nam chỉ lược, Nxb Thuận Hóa, Huế.
36. Hà Văn Tấn -Phạm Thị Tâm (1975), Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII, Nxb KHXH, Hà Nội.
37. Chu Thiên, (1957), Chống quân Nguyên, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.
38. Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu Lịch sử và văn hóa Việt Nam (2004), Nhà Trần và con người thời Trần, Hà Nội.
39. Trần Quốc Vượng -Hà Văn Tấn (1963), Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1994), Kế sách giữ nước thời Lý -Trần, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Viện sử học (1971), Lịch sử Việt Nam, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Viện sử học (1982), Xã hội Việt Nam thời Lý Trần, Nxb KHXH, Hà Nội
43. Nguyễn Đại Đồng (2022), Những nữ tu Phật giáo tiêu biểu thời Lý – Trần, *Phật học Từ Quang*, tập 41, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

II. Website

1. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm (2019), đọc cuốn “Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông thế kỉ XIII”
<https://tokhaiyte.vn/cuoc-khang-chien-chong-xam-luoc-nguyen-mong-pdf/>;
Truy cập ngày 20/5/2025
2. Mạc Khải Tuân (2018), Đọc cuốn "Hành Cung Vũ Lâm và di tích - danh thắng" của Lã Đăng Bật; truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2025.
<https://baoninhbinh.org.vn/doc-cuon-hanh-cung-vu-lam-va-di-tich-danh-thang-cua-la-dang/d20180810091638949.htm> ; truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2025.
3. Trần Hưng (2023), tạp chí “Huệ Túc phu nhân đã tiên đoán cặp vợ chồng nào trở thành anh hùng chống quân Mông Cổ”

<https://danviet.vn/hue-tuc-phu-nhan-da-tien-doan-cap-vo-chong-nao-tro-thanh-anh-hung-chong-quan-mong-co-20230605134228012-d1098227.html>;

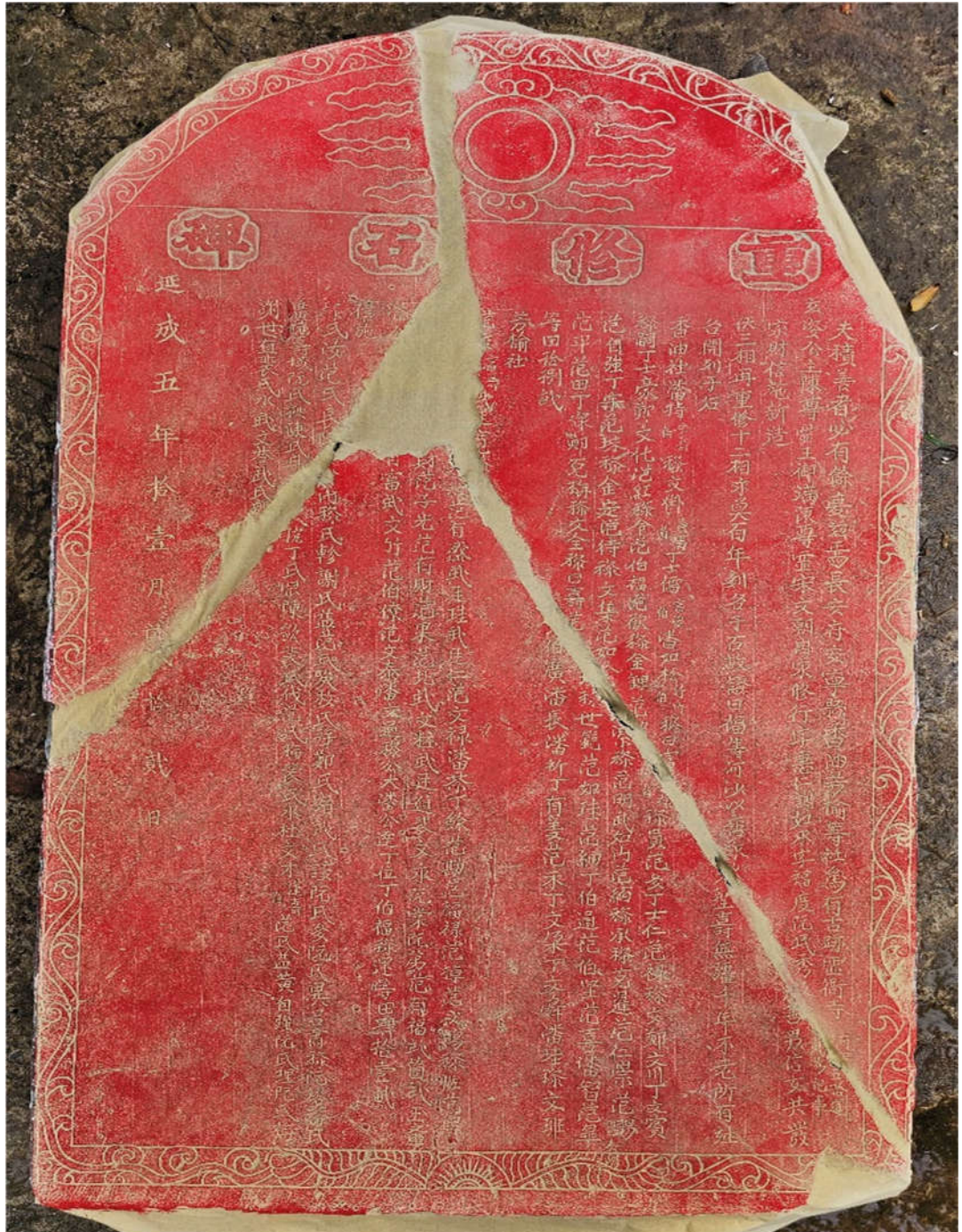
truy cập vào ngày 4 tháng 7 năm 2025.

4. Ôn Cổ Tri Nhân (2018), báo Bình Phước “tấm lòng rộng lớn”

<https://baobinhphuoc.com.vn/news/376/116837/tam-long-rong-lon>;

truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2025.

PHỤ LỤC



Hình 1.1. Bản dập bia Diên Thành 5 do chúng tôi thực hiện tháng 7 năm 2025
(tại chùa Dầu)



Hình 1.2. Ảnh thác bản trong Tổng tập thác bản văn bia Việt Nam
(tại chùa Dầu)



Hình 1.3. Hình ảnh về Thần tích chúa Trần Ngọc Một



Hình 1.4. Hình ảnh về thần tích Trần Ngọc Một



Hình 1.5. Sắc phong số 1 và sắc phong số 2



Hình 1.6. *Tấm bia đá*

SẮC PHONG SỐ 1

Phiên âm:

Sắc Ninh Bình tinh, Gia Khánh huyện, Đái¹ Nhân xã, Áng Hôi phường phụng sự **Trần triều Ngọc Một Công chúa Tôn thần**. Hộ quốc tỵ dân, nắm trứ linh ứng. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh, miễn niệm thần hựu. Trứ phong vì **Trinh uyển Dực bảo Trung hưng Tôn thần**. Chuẩn kì phụng sự, thứ cơ thần kì tướng hựu, bảo ngã lê dân.

Khâm tai!

Khải Định nhị niên tam nguyệt thập bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc ban cho phường Áng Hôi, xã Đái Nhân, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình phụng thờ **Ngọc Một Công chúa Tôn thần triều Trần**. [Ngài] cứu nước che chở cho dân, tỏ rõ linh ứng. Nay kế thừa mệnh lớn, tỏ rõ linh ứng. Xứng đáng gia phong là: **Trinh uyển Dực bảo Trung hưng Tôn thần**. Chuẩn cho phụng thờ, thứ nữa thần hãy bảo vệ và che chở cho dân của Trẫm.

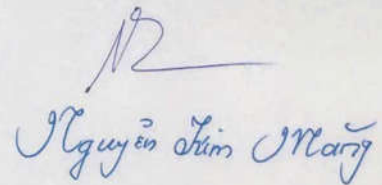
Kính thay!

Ngày 18 tháng 3 niên hiệu Khải Định thứ 2 (1917).

Viện Nghiên cứu Hán Nôm xác nhận
TS. Nguyễn Kim Mãng hiện đang công tác tại Viện
T/L. Viện trưởng
Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính


Trương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2020
Người dịch:
TS. Nguyễn Kim Mãng



¹ Hoặc còn có âm đọc là Đới

Hình 1.7. Sắc phong số 1

SẮC PHONG SỐ 2

Phiên âm:

Sắc Ninh Bình tinh, Gia Khánh huyện, Đái Nhân xã tông tiền phụng sự nguyên tặg **Trinh uyển Dục bảo Trung hưng Trần triều Ngọc Một Công chúa Tôn thần**. Hộ quốc tỷ dân, năm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp sắc phong, chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim chính trị Trăm tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, trứ gia tặg: **Trai tấnh Trung đắng thần**. Đặc chuẩn phụng sự, dụng chí quốc khánh, nhi thần tự điển.

Khâm tai!

Khải Định cứu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc ban cho xã Đái Nhân, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, trước vốn phụng thờ vị **Trinh uyển Dục bảo Trung hưng Ngọc Một Công chúa Tôn thần, triều Trần**. [Ngài] cứu nước che chở cho dân, tỏ rõ linh ứng, đã từng ban cấp sắc phong, cho phép được phụng thờ. Nay nhân lễ lớn, mừng thọ Trăm 40 tuổi, đã ban chiếu bái, tỏ rõ ơn sâu, theo lễ có tăng thêm thứ bậc, nên gia tặg là: **Trai tấnh Trung đắng thần**. Đặc biệt chuẩn cho phụng thờ, để ghi nhớ ngày vui của nước và tỏ rõ điển lệ thờ cúng.

Kính thay!

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924).

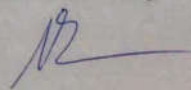
Viện Nghiên cứu Hán Nôm xác nhận
TS. Nguyễn Kim Mãng hiện đang công tác tại Viện
T/L Viện trưởng
Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính



Trương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2020

Người dịch:
TS. Nguyễn Kim Mãng


Nguyễn Kim Mãng

Hình 1.8. Sắc phong số 2



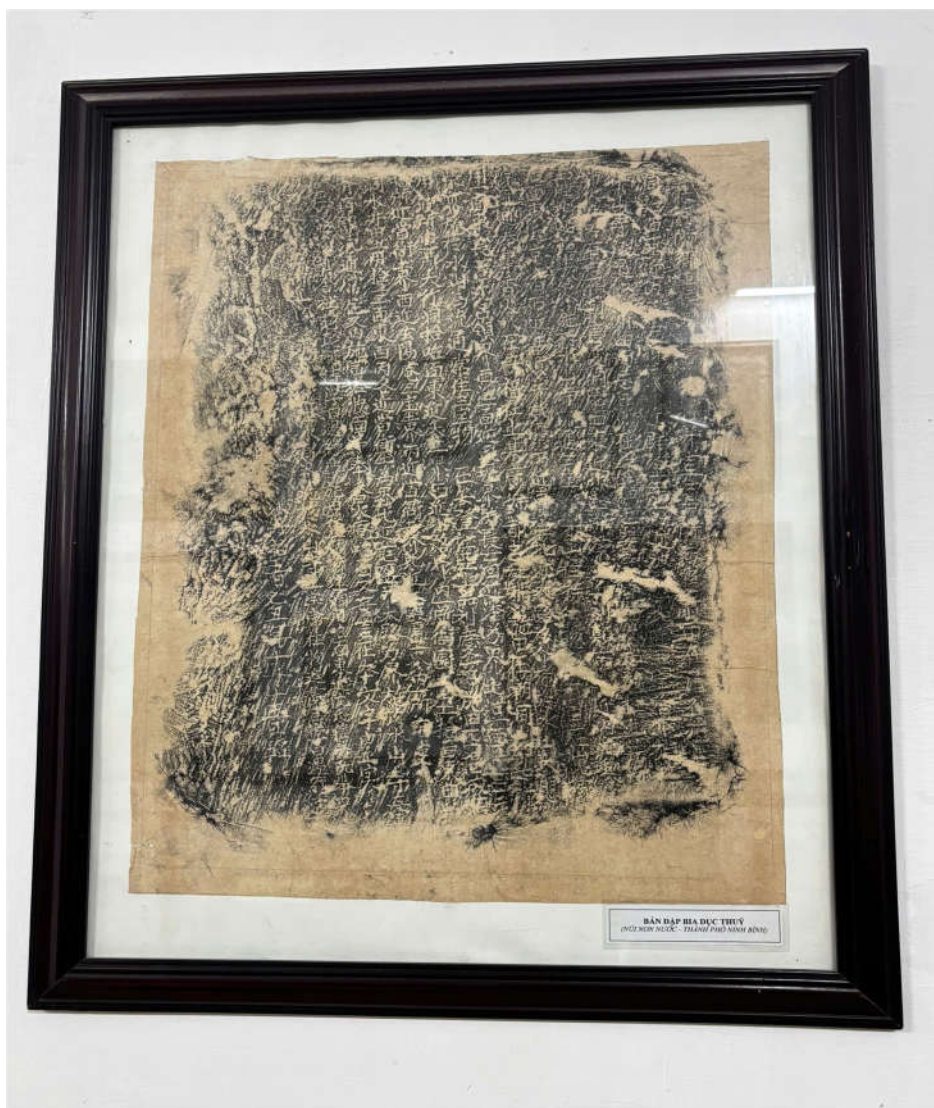
Hình 1.9. Hình ảnh về thần tích tại chùa A Nậu



Hình 2.1. Hình ảnh về bản đồ hành cung Vũ Lâm



Hình 2.2. Hình ảnh chùa A Nậu



Hình 2.3. Bản đập bia núi Dục Thủy